

**HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**  
**KHOA Y HỌC LÂM SÀNG**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**NGÀNH Y KHOA**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**MÃ NGÀNH: 7720101**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1747/QĐ-HVYDCT,

Ngày 27 tháng 06 năm 2023)

**Hà Nội - 2023**



## MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	
DANH MỤC BẢNG	
DANH MỤC SƠ ĐỒ	
I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	1
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	2
3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện.....	2
3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO).....	3
IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	3
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO).....	4
4.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo .....	4
4.3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực cơ bản Bác sĩ Y khoa Việt Nam .....	6
V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC.....	8
5.1. Vị trí việc làm .....	8
5.2. Cơ hội học tập sau đại học.....	9
VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH .....	9
VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	9
7.1. Tiến trình đào tạo.....	9
7.2. Quy trình đào tạo .....	12
7.3. Điều kiện tốt nghiệp .....	12
VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	13
8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá.....	13
8.2. Cấu trúc chương trình dạy học .....	13
8.3. Kế hoạch giảng dạy từng năm .....	19
8.4. Mô tả các học phần.....	25
8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo .....	50
IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC .....	55
9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học .....	55
9.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	63

9.3. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.....	63
X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	64
10.1. Đánh giá chung toàn khoá.....	64
10.2. Đánh giá học phần.....	64
10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics).....	72
10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	72
10.5. Đối với học phần Thực tập nghề nghiệp.....	73
XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	75
XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	75
XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT.....	75
XIV. PHỤ LỤC.....	75

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nghĩa tiếng Việt	Nghĩa tiếng Anh
CTĐT	Chương trình đào tạo	
GV	Giảng viên	
PO	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<i>Program Objectives</i>
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	<i>Program Learning Outcomes</i>
HP	Học phần	
TH	Thực hành	
LT	Lý thuyết	
TC	Tín chỉ	
YHCT	Y học cổ truyền	
YHĐ	Y học hiện đại	

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo .....	1
Bảng 2. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	5
Bảng 3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6) ..6	
Bảng 4. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với chuẩn năng lực cơ bản Bác sĩ đa khoa Việt Nam ...6	
Bảng 5. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học .....	9
Bảng 6. Cấu trúc chương trình dạy học .....	13
Bảng 7. Kiến thức giáo dục đại cương .....	13
Bảng 8. Kiến thức cơ sở của khối ngành .....	14
Bảng 9. Kiến thức cơ sở của ngành .....	14
Bảng 10. Học phần/môn học chuyên ngành .....	17
Bảng 11. Học phần/môn học thực tế .....	18
Bảng 12. Học phần/môn học tự chọn .....	19
Bảng 13. Mô tả các học phần .....	27
Bảng 14. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	51
Bảng 15. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học .....	55
Bảng 16. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy – học .....	63
Bảng 17. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá .....	66
Bảng 18. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO .....	72

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy .....	12
---	----

## I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành Y đa khoa trình độ đại học theo Quyết định 2600/QĐ-BGDĐT ngày 29/07/2016. Học viện đã nhiều lần tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành và đáp ứng năng lực cơ bản của Bác sĩ Y khoa Việt Nam.

Chương trình đào tạo thực hiện trong 6 năm và các khối kiến thức sắp xếp theo thứ tự: Khoa học cơ bản - Y học cơ sở - Y tế công cộng - Y học lâm sàng, có sự lồng ghép các khối kiến thức theo một trình tự, từ tế bào đến phân tử, từ phân tử đến cơ quan và từ cơ quan đến hệ thống, từ tiền lâm sàng đến lâm sàng giúp cho sinh viên vận dụng tốt những kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức y học cơ sở vào trong khoa học lâm sàng, trong diễn giải các dấu hiệu và triệu chứng, biện luận chẩn đoán và lựa chọn điều trị ở các mức độ khác nhau theo lộ trình học tập.

Chương trình tập trung nhiều hơn vào việc giảng dạy y đức và tính chuyên nghiệp cho sinh viên, giúp sinh viên sẽ có thái độ tốt với người bệnh, đồng nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội trong hành nghề y sau này.

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Học viện, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

## II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Bảng 1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo*

1. Tên chương trình đào tạo (Name of Program)	<b>Ngành Y khoa trình độ đại học</b> General Medicine
2. Khối ngành	Khoa học sức khỏe
3. Mã ngành đào tạo (Code)	7720101
4. Thời gian đào tạo chuẩn (Duration)	6 năm (6 years)
5. Cơ sở đào tạo (Institute)	Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam (Vietnam University of Traditional Medicine)
6. Loại hình đào tạo (Type)	Chính quy (Official)
7. Ngôn ngữ đào tạo (Language)	Tiếng Việt (Vietnamese)
8. Tổng số tín chỉ (Credits)	195 tín chỉ (Credits) - Không bao gồm Giáo

	dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng
9. Tên văn bằng tốt nghiệp (Degree)	Bác sĩ Y khoa (Doctor of Medicine)
10. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp (Employment options)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ sở y tế liên quan đến hành nghề Y khoa trong và ngoài công lập</li> <li>- Các cơ sở đào tạo và các cơ quan quản lý y tế</li> <li>- Các viện, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng y dược học</li> <li>- Các đơn vị khác có liên quan</li> </ul>
11. Khả năng nâng cao trình độ (Higher education options)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thực hành: + Bác sĩ nội trú + Bác sĩ chuyên khoa</li> <li>- Hệ nghiên cứu: + Thạc sĩ y khoa + Tiến sĩ y học</li> </ul>
12. Đối tượng áp dụng	- Sinh viên ngành Y khoa tuyển sinh từ năm 2023.
13. Thời gian áp dụng	- Tháng 9/2023

### III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Giá trị cốt lõi của Học viện

\* **Sứ mạng:** Đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao, chuyên sâu về Y học cổ truyền, Y khoa, Dược học và các ngành khác thuộc khối ngành sức khỏe; nghiên cứu khoa học, thừa kế, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; chuyển giao trí thức, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại, dịch vụ khác đáp ứng yêu cầu phục vụ xã hội và đất nước.

\* **Tầm nhìn:** Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại góp phần phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

\* **Giá trị cốt lõi:** Thừa kế - Phát triển; Đoàn kết – sáng tạo; Chất lượng – Hiệu quả.

#### \* Triết lý giáo dục của Học viện

Triết lý giáo dục của Học viện YDHCT Việt Nam là **Thừa kế - Sáng tạo - Chất lượng**

- **Thừa kế:** tiếp nhận, tiếp nối và duy trì kho tàng tri thức của các bậc tiền bối để lại.

- **Sáng tạo:** phát minh, nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra tri thức mới.

- **Chất lượng:** hoàn thiện, ưu việt, đáp ứng mong đợi trong mọi hoạt động giáo dục

### 3.2. Mục tiêu của chương trình (Program Objectives - PO)

**Nguyên tắc xây dựng mục tiêu:** Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Y khoa trình độ đại học được xây dựng dựa trên các cơ sở phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo quy định của Luật giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; phù hợp và gắn kết với mục tiêu chung của khối ngành Sức khỏe; với Sứ mạng - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục - Chiến lược phát triển - Hệ thống giá trị cốt lõi của Học viện và nhu cầu của xã hội, đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ Y khoa Việt Nam. CTĐT được xây dựng theo định hướng đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

\* **Mục tiêu chung:** Đào tạo Bác sĩ y khoa có đủ sức khỏe, có y đức, phẩm chất chính trị; có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản toàn diện về y học lâm sàng và cộng đồng; đặc biệt là y học hiện đại trong hoạt động chuyên môn; có trình độ ngoại ngữ, tin học, có tầm nhìn và năng lực nghiên cứu khoa học; có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và bước đầu hội nhập quốc tế.

\* **Mục tiêu cụ thể:**

Khi tốt nghiệp chương trình 6 năm chuyên ngành y khoa, sinh viên có:

1. Khả năng vận dụng được các kiến thức về xã hội, pháp luật, ngoại ngữ, công nghệ thông tin để hỗ trợ công việc khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.
2. Kiến thức về khoa học sức khỏe đảm bảo sức khỏe cá nhân, làm nền tảng vững vàng cho kỹ năng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.
3. Khả năng thực hành chăm sóc người bệnh an toàn, hiệu quả.
4. Khả năng lập luận, phản biện, ra quyết định chuyên môn dựa vào bằng chứng khoa học và kinh nghiệm phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

5. Khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, thích ứng với nhiệm vụ chuyên môn và những thay đổi về nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng, xã hội.
6. Khả năng học tập liên tục, lập kế hoạch, điều phối quản lý các nguồn lực, đánh giá cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn để phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn cũng như rèn luyện phẩm chất người bác sĩ trong suốt quá trình hành nghề của mình.

#### **IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLO)**

Khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam, sinh viên tốt nghiệp có các năng lực sau:

1. Xác định được các nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật Việt Nam để vận dụng vào công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
2. Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và y tế công cộng trong học tập, nghiên cứu và thực hành chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.
3. Thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng, đưa ra chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng để chẩn đoán các bệnh lý thông thường.
4. Thực hiện được một số thủ thuật lâm sàng và cận lâm sàng cơ bản.
5. Điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp. Kê đơn thuốc đúng nguyên tắc, an toàn, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.
6. Phát hiện và xử trí được các trường hợp cấp cứu thông thường.
7. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi về nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng, xã hội.
8. Kết hợp được y học cổ truyền trong điều trị, dự phòng và phục hồi chức năng một số bệnh thông thường.
9. Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp y tế công cộng trong thực hành chăm sóc y khoa.

10. Thực hiện tổ chức, quản lý, hướng dẫn, giám sát và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả; có tư duy phản biện, bảo vệ quan điểm cá nhân. Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế.

11. Thực hiện được các đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia. Vận dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.

12. Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD & ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

13. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2014-TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông.

14. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe, chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi ứng xử và hoạt động nghề nghiệp. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình người bệnh.

15. Có khả năng lập kế hoạch, tham gia điều phối quản lý các nguồn lực, đánh giá cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; thể hiện được tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục trong thực hành chăm sóc sức khỏe.

#### 4.2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu của chương trình đào tạo

Bảng 2. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu (PO)	Chuẩn đầu ra (PLO)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x	x					x			x		x	x	x	
PO2		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
PO3		x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x
PO4		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x
PO5		x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x
PO6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

**4.3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực cơ bản Bác sĩ Y khoa Việt Nam**

*Bảng 3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6)*

Tiêu chí PLO	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	S1	S2	S3	S4	S5	S6	C 1	C 2	C 3	C 4
PLO1		3													
PLO2	3		3		3										
PLO3	3					3		3	3	3					
PLO4	3					3		3	3						
PLO5	3					3		3	3	3				3	
PLO6	3					3		3	3					3	
PLO7				3	3		3	3	3	3		3	3		
PLO8	3					3			3						
PLO9	3					3			3	3					3
PLO10				3	3		3	3		3		3	3	3	
PLO11						3									3
PLO12		3								3	3				
PLO13		3	3												
PLO14		3			3		3	3		3					
PLO15			3	3	3		3			3		3	3		3

**Ghi chú:**

Mức 1: Không đáp ứng

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

Mức 2: Đáp ứng một phần

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu

*Bảng 4. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với chuẩn năng lực cơ bản Bác sĩ đa khoa Việt Nam*

Tiêu chí PLO	Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa Việt Nam

PLO1	Năng lực hành nghề chuyên nghiệp
PLO2	Năng lực ứng dụng kiến thức y học
PLO3	Năng lực chăm sóc y khoa
PLO4	Năng lực chăm sóc y khoa
PLO5	Năng lực chăm sóc y khoa
PLO6	Năng lực chăm sóc y khoa
PLO7	Năng lực giao tiếp - cộng tác
PLO8	Năng lực chăm sóc y khoa
PLO9	Năng lực ứng dụng kiến thức y học
PLO10	Năng lực ứng dụng kiến thức y học
PLO11	Năng lực ứng dụng kiến thức y học
PLO12	Năng lực hành nghề chuyên nghiệp
PLO13	Năng lực hành nghề chuyên nghiệp
PLO14	Năng lực hành nghề chuyên nghiệp
PLO15	Năng lực hành nghề chuyên nghiệp

**Ghi chú:** Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa Việt Nam gồm 4 lĩnh vực, 20 tiêu chuẩn và 90 tiêu chí.

#### 4.4. Các hoạt động chuyên môn chủ chốt

EPA	Diễn giải	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
1	Khám bệnh				
	Khai thác bệnh sử, tiền sử	2	3	4	5
	Khám thực thể	2	3	4	5
2	Liệt kê các chẩn đoán sơ bộ	2	3	4	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường.	2	3	4	5
4	Chẩn đoán xác định	1	2	3	4
5	Thực hiện cấp cứu ban đầu		1	2	3
6	Kê đơn thuốc theo phạm vi hành nghề của Bác sĩ Y khoa	1	2	3	4

7	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	1	2	3	4
8	Trình bày ca lâm sàng	2	3	4	5
9	Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	1	2	3	4
10	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	1	2	3	4
11	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	1	2	3	4
12	Phát hiện và xử trí các tiến triển của người bệnh	1	2	3	4
13	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	1	2	3	4
14	Thực hiện được một số thủ thuật/kỹ thuật	1	2	3	4
15	Phòng ngừa sự cố y khoa	1	2	3	4
16	Ứng dụng nguyên lý YTCC trong thực hành y khoa	1	2	3	4

**Ghi chú:**

0: Chưa làm

3: Làm tiến bộ hơn

1: Làm nhưng chưa tin cậy

4: Làm tiến bộ và tin tưởng

2: Làm chưa tin cậy nhưng có tiến bộ

5: Làm tốt và tin tưởng hoàn toàn.

## V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC

### 5.1. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa, người học có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

1. Tại các cơ sở y tế với chức danh bác sĩ điều trị.
2. Tại các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.
3. Tại các Viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.
4. Tại đơn vị khám, chữa bệnh với công việc tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn.

### 5.2. Cơ hội học tập sau đại học

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu đúng chuyên ngành hoặc các chuyên ngành chuyên sâu của YHHD ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Hệ thực hành: Bác sĩ Nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp I.
- Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ Y học, Tiến sĩ Y học.

## VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có nguyện vọng vào ngành Y khoa.
- Phương thức tuyển sinh: Theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và theo đề án tuyển sinh của Học viện.

## VII. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 7.1. Tiến trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng trên dựa trên nguyên tắc lồng ghép các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng, liên tục về kỹ năng, từ tiền lâm sàng và lâm sàng ... với tiến trình đào tạo như sau:

Bảng 5. Phân bố kiến thức giảng dạy theo năm học

Khối kiến thức	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
Giáo dục đại cương	x	x					
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở của khối ngành	x	x				
	Cơ sở của ngành	x	x	x	x		
	Kiến thức ngành bắt buộc			x	x	x	x
	Học phần thực hành						
	Học phần thực tế nghề nghiệp, chuyên môn tổng hợp						x

## 7.2. Quy trình đào tạo

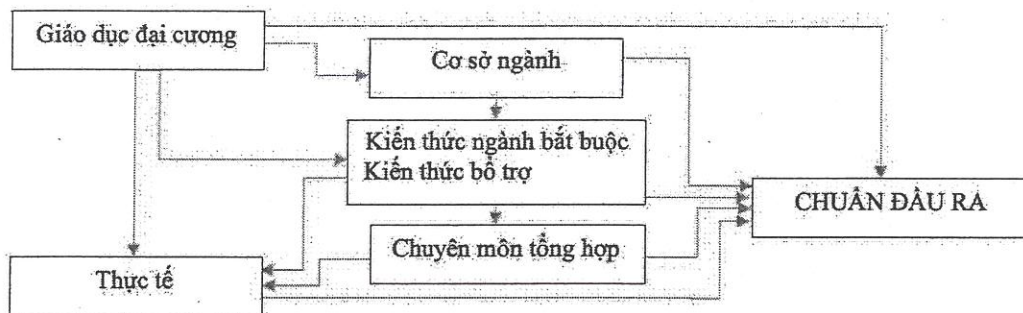
CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức và đào tạo theo khoá học năm học và học kỳ.

Khoá học là thời gian trung bình cần thiết để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo. Cụ thể đối với trình độ đại học hệ chính quy ngành bác sĩ Y khoa là 6 năm học.

Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu), mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Học viện tổ chức thêm một học kỳ phụ (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng 8) để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực hành và 1 tuần thi. Trước mỗi kỳ thi chính, Học viện sẽ có 1 tuần để gặp gỡ, cố vấn và định hướng cho sinh viên học tập.

Trong 3 năm đầu tiên, sinh viên học các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, các kiến thức chuyên ngành được học trong những năm tiếp theo.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình là 09 năm. Vượt quá thời gian này, sinh viên không được học và/hoặc thi để được công nhận tốt nghiệp.



Sơ đồ 1. Sơ đồ chương trình giảng dạy

## 7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, quy chế đào tạo và Điều 29 Quyết định 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11/10/2021 của Học viện. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ học phần, mô đun, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất.

## VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khoá

Thời gian đào tạo: **06 năm**

Khối kiến thức toàn khóa: **195 tín chỉ**

### 8.2. Cấu trúc chương trình dạy học

Bảng 6. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính phần nội dung Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng 7 tín chỉ).	12	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong đó:		
	- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành	22	
	- Khối kiến thức cơ sở của ngành	63	
	- Khối kiến thức ngành	82	3
	Các học phần thực tế, chuyên môn tổng hợp	2	11
<b>Tổng số</b>		<b>181</b>	<b>14</b>

**8.2.1. Phần kiến thức giáo dục đại cương: 12 tín chỉ (không bao gồm nội dung Giáo dục Quốc phòng- An ninh (7TC) và Giáo dục thể chất (4TC))**

Bảng 7. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1.	GDQP1001	Giáo dục quốc phòng - An ninh*	7	2	5
2.	GDTC1001	Giáo dục thể chất 1*	2	1	1
3.	GDTC2002	Giáo dục thể chất 2*	2	0	2
4.	POLI2001	Triết học Mác – Lênin	3	3	0

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
5.	POLI3003	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0
6.	POLI4004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
7.	POLI4005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8.	POLI6006	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0
9.	POLI2002	Pháp luật đại cương	1	1	0
<b>Tổng</b>			<b>23</b>	<b>15</b>	<b>08</b>

### 8.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 183 tín chỉ

*Phân kiến thức cơ sở của khối ngành: 22 tín chỉ*

*Bảng 8. Kiến thức cơ sở của khối ngành*

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1.	CHEM1001	Hoá học	2	1.5	0.5
2.	BIOP1001	Lý sinh	3	2.5	0.5
3.	BIOL1001	Sinh học và di truyền	3	2.5	0.5
4.	MATH1001	Xác suất thống kê y học	2	2	0
5.	INTE1001	Tin học	2	0.5	1.5
6.	PUBL4102	Phương pháp nghiên cứu khoa học y học	2	2	0
7.	ENGL1001	Tiếng Anh 1	3	3	0
8.	ENGL2002	Tiếng Anh 2	3	3	0
9.	ENGL2003	Tiếng Anh 3	2	2	0
<b>Tổng</b>			<b>22</b>	<b>19</b>	<b>3</b>

*Phân kiến thức cơ sở của ngành: 63 tín chỉ*

*Bảng 9. Kiến thức cơ sở của ngành*

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1.	MODU1001	<b>Module 1: Y cơ sở 1 (Giải</b>	5.0	4.0	1.0

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)			
2.	MODU1002	<b>Module 2: Y cơ sở 2</b> (Hoá sinh, Vi sinh)	6.0	4.5	1.5
3.	MODU2003	<b>Module 3: Y cơ sở 3</b> (Miễn dịch, Ký sinh trùng)	5.0	3.5	1.5
4.	MODU2104	<b>Module 4: Hệ huyết học - Bạch huyết</b> (Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	2.0	1.0	1.0
5.	MODU2105	<b>Module 5: Hệ tim mạch</b> (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	2.0	1.5	0.5
6.	MODU2106	<b>Module 6: Hệ hô hấp</b> (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	2.0	1.5	0.5
7.	MODU2107	<b>Module 7: Tiền lâm sàng 1</b> (Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân)	1.0	0.0	1.0
8.	MODU3111	<b>Module 11: Tiền lâm sàng 2</b> (Nội, Ngoại, Sản, Nhi)	2.0	0.0	2.0
9.	MODU3115	<b>Module 15: Tiền lâm sàng 3</b> (Khối chuyên khoa: Mắt, TMH, RHM)	1.0	0.0	1.0
10.	MODU3108	<b>Module 8: Hệ tiêu hoá</b> (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	2.5	1.5	1.0
11.	MODU3109	<b>Module 9: Hệ tiết niệu</b> (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	2.0	1.5	0.5

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
12.	MODU3110	<b>Module 10: Hệ Da - Cơ - Xương</b> (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh)	2.0	1.5	0.5
13.	MODU3112	<b>Module 12: Hệ Nội tiết, chuyển hoá</b> (Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	1.5	1.5	0
14.	MODU3113	<b>Module 13: Sinh sản</b> (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	2.0	1.5	0.5
15.	MODU3114	<b>Module 14: Hệ thần kinh</b> (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh)	2.0	1.5	0.5
16.	MEDI2102	Điều dưỡng	2.0	1.0	1.0
17.	PHAR2101	Dược lý đại cương	4.0	3.0	1.0
18.	PHAR6102	Dược lâm sàng	3.0	2.0	1.0
19.	MEDI3103	Chẩn đoán hình ảnh	2.0	1.0	1.0
20.	MEDI2101	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2.0	1.0	1.0
21.	PUBL2101	Truyền thông giáo dục sức khoẻ	2.0	2.0	0.0
22.	PUBL4103	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2.0	2.0	0.0
23.	PUBL4105	Sức khoẻ môi trường - Sức khoẻ nghề nghiệp	2.0	2.0	0.0
24.	PUBL4104	Dịch tễ học	2.0	2.0	0.0
25.	PUBL5106	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2.0	2.0	0.0
26.	PUBL6110	Tính chuyên nghiệp y khoa	2.0	2.0	0.0
<b>Tổng</b>			<b>63</b>	<b>45</b>	<b>18</b>

**Phân kiến thức ngành: 98 tín chỉ**

**\* Các học phần/môn học chuyên ngành**

Bảng 10. Học phần/môn học chuyên ngành

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1	MEDI3105	Nội cơ sở	6.0	3.0	3.0
2	MEDI3106	Ngoại cơ sở	6.0	3.0	3.0
3	MEDI4107	Nội bệnh lý 1	5.0	3.0	2.0
4	MEDI4108	Ngoại bệnh lý 1	5.0	3.0	2.0
5	MEDI4109	Sản phụ khoa 1	5.0	3.0	2.0
6	MEDI4110	Nhi khoa 1	5.0	3.0	2.0
7	MEDI3104	Phẫu thuật thực hành	2.0	1.0	1.0
8	MEDI5111	Hồi sức cấp cứu	2.0	1.0	1.0
9	MEDI5114	Da liễu	2.0	1.0	1.0
10	MEDI5112	Thần kinh	2.0	1.0	1.0
11	MEDI5115	Lao và bệnh phổi	2.0	1.0	1.0
12	MEDI5116	Truyền nhiễm	2.0	1.0	1.0
13	MEDI5122	Phục hồi chức năng	2.0	1.0	1.0
14	MEDI5113	Sức khỏe tâm thần	2.0	1.0	1.0
15	MEDI5117	Mắt	2.0	1.0	1.0
16	MEDI5118	Răng hàm mặt	2.0	1.0	1.0
17	MEDI5119	Tai mũi họng	2.0	1.0	1.0
18	MEDI5121	Lão	2.0	1.0	1.0
19	MEDI5120	Ung thư	2.0	1.0	1.0
20	MODU5116	Module 16: Y học cổ truyền	4.0	3.0	1.0
21	MEDI6125	Nội bệnh lý 2	5.0	3.0	2.0
22	MEDI6126	Ngoại bệnh lý 2	5.0	3.0	2.0
23	MEDI6127	Sản phụ khoa 2	5.0	3.0	2.0
24	MEDI6128	Nhi khoa 2	5.0	3.0	2.0
<b>Tổng</b>			<b>82.0</b>	<b>46.0</b>	<b>36.0</b>

\* Các học phần/môn học thực tế

Bảng 11. Học phần/môn học thực tế

STT	Mã học phần/Modul	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>Thực tế nghề nghiệp, chuyên môn tổng hợp</b>					
		<b>Chuyên môn tổng hợp</b> (chọn 1 trong 3 học phần)	4	4	0
25	MEDI6129	Nội - Nhi	4	4	0
26	MEDI6130	Ngoại - Sản	4	4	0
27	MEDI6131	Khoá luận tốt nghiệp	4	4	0
		<b>Thực tế nghề nghiệp</b> (chọn 1 trong 4 học phần)	7	0	7
27	MEDI6132	Nội khoa (TTNN)	7	0	7
28	MEDI6133	Nhi khoa (TTNN)	7	0	7
29	MEDI6134	Ngoại khoa (TTNN)	7	0	7
30	MEDI6135	Phụ sản (TTNN)	7	0	7
<b>Thực tế cộng đồng</b>					
31	PUBL5107	Thực tế cộng đồng	2	0	2
<b>Tổng số</b>			<b>13</b>	<b>4</b>	<b>9</b>

**Ghi chú:**

- Sinh viên chọn Chuyên môn tổng hợp học phần Nội - Nhi thì chọn học phần thực hành Thực tế nghề nghiệp là học phần Nội khoa (TTNN) hoặc Nhi khoa (TTNN); Sinh viên Chuyên môn tổng hợp học phần Ngoại - Sản thì chọn học phần Thực tế nghề nghiệp là học phần Ngoại khoa (TTNN) hoặc Phụ sản (TTNN).

- Sinh viên chỉ được chọn Khoá luận tốt nghiệp khi đủ điều kiện làm khoá luận

tốt nghiệp theo quy định và có đơn xin làm khoá luận

\* *Các học phần/môn học tự chọn*

Bảng 12. Học phần/môn học tự chọn

STT	Mã học phần/Module	Tên học phần/Module	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<i>Chọn 1 trong 2 khối kiến thức (mỗi khối 3 tín chỉ)</i>					
28	MEDI5124	Pháp y	1.0	1.0	0.0
	MEDI5123	Gây mê hồi sức	2.0	2.0	0.0
29.	PUBL5108	Một sức khoẻ	1.0	1.0	0.0
	PUBL5109	Y học gia đình	2.0	2.0	0.0
<b>Tổng</b>			<b>3.0</b>	<b>3.0</b>	<b>0.0</b>

### 8.3. Kế hoạch giảng dạy từng năm

Năm thứ nhất

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhận	HP/module tiên quyết
1	BIOP1001	Lý sinh	3.0	Bộ môn Y vật lý	
2	CHEM1001	Hoá học	2.0	Bộ môn Hoá	
3	BIOL1001	Sinh học và di truyền y học	3.0	Bộ môn Sinh học di truyền	
4	MATH1001	Xác suất thống kê y học	2.0	Bộ môn Toán- Tin học	
5	INTE1001	Tin học	2.0	Bộ môn Toán- Tin học	
6	ENGL1001	Tiếng Anh 1	3.0	Bộ môn Ngoại ngữ	
7	GDQP1001	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng	

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhận	HP/ module tiên quyết
8	MODU1001	Module 1: Y cơ sở 1	5.0	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	
9	MODU1002	Module 2: Y cơ sở 2	6.0	Bộ môn Hoá sinh, Vi sinh - Ký sinh trùng	
10	GDTC1001	Giáo dục thể chất 1	2.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng	
<b>Tổng</b>			<b>35</b>		

**Năm thứ hai**

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/ Module tiên quyết
1	MODU2003	Module 3: Y cơ sở 3	5.0	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh - Ký sinh trùng	
2	MODU2104	Module 4: Hệ huyết học - Bạch huyết	2.0	Bộ môn Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	
3	MODU2105	Module 5: Hệ tim mạch	2.0	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/Module tiên quyết
4	MODU2106	Module 6: Hệ hô hấp	2.0	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	
5	POLI2001	Triết học Mác - Lênin	3.0	Bộ môn Lý luận chính trị	
6	ENGL2002	Tiếng Anh 2	3.0	Bộ môn Ngoại ngữ	ENGL1001
7	GDTC2002	Giáo dục thể chất 2	2.0	Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng	
8	MEDI2101	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2.0	Bộ môn DD & ATTP	
9	PUBL2101	Truyền thông giáo dục sức khỏe	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
10	POLI2002	Pháp luật đại cương	1.0	Bộ môn Y tế công cộng	
11	MODU2107	Module 7: Tiền lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân)	1.0	Trung tâm tiền lâm sàng	
12	ENGL2003	Tiếng Anh 3	2.0	Bộ môn Ngoại ngữ	ENGL2002
13	MEDI2102	Điều dưỡng	2.0	Bộ môn Điều dưỡng	
14	PHAR2101	Dược lý đại cương	4.0	Bộ môn Dược lý	
<b>Tổng</b>			<b>33</b>		

Năm thứ ba

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số tín chỉ	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
1	MODU3108	Module 8: Hệ tiêu hoá	2.5	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	
2	MODU3109	Module 9: Hệ tiết niệu	2.0	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	
3	MODU3110	Module 10: Hệ Da - Cơ - Xương	2.0	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch.	
4	MODU3112	Module 12: Hệ Nội tiết, chuyển hoá	1.5	Bộ môn Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	
5	MODU3113	Module 13: Hệ Sinh sản	2.0	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh.	
6	MODU3114	Module 14: Hệ thần kinh	2.0	Bộ môn Giải phẫu, Mô học - phôi thai học, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch.	

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số tín chỉ	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
7	MEDI3103	Chẩn đoán hình ảnh	2.0	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	
8	POLI3003	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	2.0	Bộ môn Lý luận chính trị	
9	MODU3111	Module 11: Tiền lâm sàng 2	2.0	Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi	
10	MODU3115	Module 15: Tiền lâm sàng 3	1.0	Bộ môn Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt.	
11	MEDI3104	Phẫu thuật thực hành	2.0	Bộ môn Ngoại	
12	MEDI3105	Nội cơ sở	6.0	Bộ môn Nội	
13	MEDI3106	Ngoại cơ sở	6.0	Bộ môn Ngoại	
<b>Tổng số</b>			<b>33</b>		

**Năm thứ tư**

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
1	MEDI4107	Nội bệnh lý 1	5.0	Bộ môn Nội	
2	MEDI4108	Ngoại bệnh lý 1	5.0	Bộ môn Ngoại	
3	PUBL4102	Phương pháp nghiên cứu khoa học y học	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
4	POLI4004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	Bộ môn Lý luận chính trị	
5	PUBL4103	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
6	PUBL4104	Dịch tễ	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
7	MEDI4109	Sản phụ khoa 1	5.0	Bộ môn Sản phụ khoa	

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
8	MEDI4110	Nhi khoa 1	5.0	Bộ môn Nhi	
9	POLI4005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	Bộ môn lý luận chính trị	
10	PUBL4105	Sức khoẻ môi trường - Sức khoẻ nghề nghiệp	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
<b>Tổng số</b>			<b>32</b>		

**Năm thứ năm**

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
2	MEDI5111	Hồi sức cấp cứu	2.0	Bộ môn Hồi sức cấp cứu	
2	MEDI5112	Thần kinh	2.0	Bộ môn Nội	
3	MEDI5113	Sức khoẻ tâm thần	2.0	Bộ môn Nội	
4	MEDI5114	Da liễu	2.0	Bộ môn Da liễu	
5	MODU5116	Module 16: Y học cổ truyền	4.0	Bộ môn Y lý, Châm cứu, Khí công dưỡng sinh - Xoa bóp bấm huyệt, Dược cổ truyền	
6	MEDI5115	Lao và bệnh phổi	2.0	Bộ môn Truyền nhiễm	
7	MEDI5116	Truyền nhiễm	2.0	Bộ môn Truyền nhiễm	
8	MEDI5117	Mắt	2.0	Bộ môn Mắt	
9	MEDI5118	Răng hàm mặt	2.0	Bộ môn Răng hàm mặt	
10	MEDI5119	Tai mũi họng	2.0	Bộ môn Tai mũi họng	

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
11	MEDI5120	Ung thư	2.0	Bộ môn Ung bướu	
12	MEDI5121	Lão	2.0	Bộ môn Lão	
13	MEDI5122	Phục hồi chức năng	2.0	Bộ môn Phục hồi chức năng	
14	PUBL5106	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
15	PUBL5107	Thực tế cộng đồng	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
<b>Học phần/môn học tự chọn: Chọn 1 trong 2 khối kiến thức (mỗi khối 3 tín chỉ)</b>					
16	MEDI5123	Gây mê hồi sức	2.0	Bộ môn Ngoại	
	MEDI5124	Pháp y	1.0	Bộ môn Giải phẫu bệnh	
17	PUBL5108	Một sức khỏe	1.0	Bộ môn Y tế công cộng	
	PUBL5109	Y học gia đình	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
<b>Tổng</b>			<b>35</b>		

**Năm thứ sáu**

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
1	MEDI6125	Nội bệnh lý 2	5.0	Bộ môn Nội	
2	MEDI6126	Ngoại bệnh lý 2	5.0	Bộ môn Ngoại	
3	MEDI6127	Sản phụ khoa 2	5.0	Bộ môn Sản phụ khoa	
4	MEDI6128	Nhi khoa 2	5.0	Bộ môn Nhi	

TT	Mã số	Tên học phần/môn học/module	Số TC	Bộ môn đảm nhiệm	HP/module tiên quyết
5	PHAR6102	Dược lâm sàng	3.0	Bộ môn Dược lâm sàng	PHAR2101
6	PUBL6110	Tính chuyên nghiệp y khoa	2.0	Bộ môn Y tế công cộng	
7	POLI6006	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2.0	Bộ môn Lý luận chính trị	
<b>Chuyên môn tổng hợp (chọn 1 trong 3 học phần)</b>					
8	MEDI6129	Nội - Nhi	4.0	Khoa Y học lâm sàng	
9	MEDI6130	Ngoại - Sản	4.0	Bộ môn Nội, Bộ môn Nhi	
10	MEDI6131	Khoá luận tốt nghiệp	4.0	Bộ môn Ngoại, Bộ môn Sản phụ khoa	
<b>Thực tế nghề nghiệp (chọn 1 trong 4 học phần)</b>					
11	MEDI6131	Nội khoa (TTNN)	7.0	Bộ môn Nội	
12	MEDI6132	Nhi khoa (TTNN)	7.0	Bộ môn Nhi	
13	MEDI6133	Ngoại khoa (TTNN)	7.0	Bộ môn Ngoại	
14	MEDI6133	Phụ sản (TTNN)	7.0	Bộ môn Sản phụ khoa	
<b>Tổng số</b>			<b>38</b>		

**Ghi chú:**

- Sinh viên chọn Chuyên môn tổng hợp học phần Nội - Nhi thì chọn học phần thực hành Thực tế nghề nghiệp là học phần Nội khoa (TTNN) hoặc Nhi khoa (TTNN); Sinh viên Chuyên môn tổng hợp học phần Ngoại - Sản thì chọn học phần Thực tế nghề

nghiệp là học phần Ngoại khoa (TTNN) hoặc Phụ sản (TTNN).

- Sinh viên chỉ được chọn Khoá luận tốt nghiệp khi đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp theo quy định và có đơn xin làm khoá luận.

#### 8.4. Mô tả các học phần

Bảng 13. Mô tả các học phần

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>I. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	
<b>1. Các học phần/ môn học chung</b>	
<b>1. Giáo dục quốc phòng- An ninh</b>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>
<b>2. Giáo dục thể chất 1</b>	<p>Học phần Giáo dục thể chất 1 trang bị kiến thức giáo dục thể chất cơ bản, thể dục nhịp điệu và Taekwondo cho người học. Nữ học Thể dục nhịp điệu giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh, nâng cao trí lực, làm việc hiệu quả bằng bài TDNĐ 12 động tác. Nam học Taekwondo về các kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật đối luyện, bài quyền số 2.</p>
<b>3. Giáo dục thể chất 2</b>	<p>GDTC 2 là học phần về Thái cực quyền. Nó trang bị cho người học về kiến thức và nội dung tập luyện thái cực quyền qua dưỡng sinh và tự vệ. Các động tác của bài quyền uyển chuyển và mềm mại, trong nhu có cương, dung hợp với học thuyết kinh mạch âm dương, tâm thể hài hòa. Từ đó, người học có thể vận dụng rèn luyện sức khỏe để gìn giữ sức khỏe đảm bảo cho sự sống và phát triển nghề nghiệp.</p>
<b>4. Triết học Mác –</b>	<p>Triết học Mác - Lênin là môn học trang bị cho người học thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>Lê nin</b>	việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác, nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Giúp người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo, khoa học, biện chứng triết học Mác -Lênin trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước và quá trình tu dưỡng bản thân.
<b>5. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin</b>	Học phần Kinh tế chính trị Mác Lênin cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy kinh tế của người học. Học phần giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.
<b>6. Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>	CNXHKH là môn học trang bị cho người học những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; Giúp người học đề cao cảnh giác và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc, bọn phản động đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta; Từ đó góp phần quan trọng trong việc giáo dục niềm tin khoa học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.
<b>7. Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về khái niệm đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập học phần môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về cơ sở hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh .Tư tưởng của người về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội . Tư tưởng Hồ Chí minh về Đảng cộng Sản Việt nam và nhà nước của nhân dân do nhân dân vì nhân dân Tư tưởng Hồ chí minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế Tư tưởng Hồ chí Minh về văn hóa đạo đức con người . Qua đó khẳng định vai trò của TTHCM đối với thành công, , để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng với Bác và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và công tác, góp phần

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
<b>8. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</b>	<p>Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu nên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>
<b>9. Pháp luật đại cương</b>	<p>Pháp luật đại cương là học phần lý thuyết trong khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 01 TC. Pháp luật đại cương gồm các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN VN. Giới thiệu một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam và một số các chế định liên quan đến hành nghề y. Học phần giúp người học hiểu để vận dụng được quy định pháp luật hiện hành vào cuộc sống và hành nghề y.</p>
<b>2. Các học phần/ môn học khoa học cơ bản</b>	
<b>10. Hóa học</b>	<p>Học phần này có 2 tín chỉ, trong đó có 1,5 tín chỉ lý thuyết và 0,5 tín chỉ thực hành, sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoá đại cương, hóa học hữu cơ, vô cơ; hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng. Học phần giúp người học hiểu được ứng dụng của một số hợp chất hóa học quan trọng trong đời sống và trong cơ thể con người, và ứng dụng của chúng trong y học.</p>
<b>11. Lý sinh</b>	<p>Lý Sinh là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học giúp phân tích các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra ở</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị. Các tác dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.</p> <p>Phần Thực hành Lý sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về những vấn đề cơ bản của học phần Lý Sinh.</p>
<p><b>12. Sinh học - Di truyền học</b></p>	<p>Học phần Sinh học gồm 3 tín chỉ (2.5 tín chỉ lý thuyết; 0.5 tín chỉ thực hành). Học phần Sinh học chứa đựng nội dung về tế bào, Sinh học phát triển cá thể, nguyên lý sinh thái, hệ thống sinh giới, đột biến NST, đột biến gen, một số kỹ thuật sinh học ứng dụng trong Y học, di truyền đơn gen, di truyền đa gen đa nhân tố ở người, di truyền nhóm máu, bất thường bẩm sinh và di truyền ung thư và kỹ năng thực hành cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học và chăm sóc sức khỏe.</p> <p>Học phần giúp người học hiểu, hệ thống hóa các kiến thức về Sinh học và Di truyền để vận dụng vào các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề Y.</p>
<p><b>13. Xác suất thống kê trong y học</b></p>	<p>Học phần Xác suất thống kê trong y học là học phần kiến thức cơ sở của khối ngành có 2 tín chỉ lý thuyết. Học phần trang bị các khái niệm cơ bản về xác suất thống kê, đặc trưng của thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, so sánh các mẫu quan sát và bước đầu xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về y, dược. Học phần giúp người học tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các báo cáo, dự trữ ...trong lĩnh vực y dược.</p>
<p><b>14. Tin học</b></p>	<p>Học phần tin học đại cương cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng cơ bản về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, hệ điều hành Windows, bộ Office 2016 gồm: phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word, phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel, phần mềm trình chiếu Microsoft Power Point đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Học phần giúp người học vận dụng sử dụng tin học trong các hoạt động của cá nhân và tổ chức trong quá trình hành nghề y học.</p> <p>Tin học ứng dụng là học phần cơ sở quan trọng trong việc ứng dụng công</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>nghệ thông tin trong y học. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín trong và ngoài nước; Áp dụng phần mềm Endnote quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo; Sử dụng phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y sinh học..</p>
<p><b>15.</b> <b>Phương pháp NCKH</b></p>	<p>Học phần nghiên cứu khoa học y học y khoa nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo Bác sĩ Y khoa với thời lượng 2 tín chỉ gồm 13 bài bao gồm cả 4 bài đọc thêm giúp học viên thực hiện được các bước y khoa của thiết kế nghiên cứu khoa học y học, xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và có thể tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn giám sát của thầy cô Học viện.</p> <p>Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý y khoa và các thiết kế chiến lược nghiên cứu khoa học y học y khoa; cách xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin; viết đề cương nghiên cứu khoa học.</p>
<p><b>16. Tiếng Anh 1</b></p>	<p>Học phần <b>Tiếng Anh 1</b> trang bị kiến thức cho sinh viên về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, từ vựng và thực hành nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề bài học và các loại hình bài tập phong phú và đa dạng. Học phần giúp sinh viên củng cố, luyện tập, nâng cao và biết sử dụng tiếng Anh có hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và về các chủ điểm thông thường trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua hoạt động học tập, sinh viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác. Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về văn hóa của nhiều nước trên thế giới qua các nội dung chủ đề bài học.</p>
<p><b>17. Tiếng Anh 2</b></p>	<p>Học phần Tiếng Anh 2 (TACN1) là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần Tiếng Anh 1) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 3 tín chỉ, tương đương 45 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành y, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>Học phần Tiếng Anh 2 (TACN1) được xây dựng với 06 bài học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành y khoa, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình.</p> <p>Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 2 giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.</p>
<p><b>18. Tiếng Anh 3</b></p>	<p>Học phần Tiếng Anh 3 (TACN2) là học phần bắt buộc tiếp theo (sau học phần Tiếng Anh 2) của chương trình đào tạo Tiếng Anh không chuyên dành cho sinh viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Học phần này được thực hiện trong 3 tín chỉ, tương đương 30 tiết lên lớp, nhằm cung cấp kiến thức từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong môi trường chuyên ngành y, đạt mức độ tương đương trung cấp (intermediate).</p> <p>Học phần Tiếng Anh 3 (TACN2) được xây dựng với 06 bài học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh học thuật về chuyên ngành y khoa, giúp cho sinh viên có được những kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng chuyên ngành cần thiết để có thể vận dụng một cách chính xác vào học tập và các tình huống hàng ngày trong môi trường làm việc, có khả năng đọc hiểu các tài liệu xác thực thuộc chuyên ngành bằng tiếng Anh, nghe hiểu được các cuộc thảo luận, báo cáo và bài giảng chuyên ngành bằng tiếng Anh; có kỹ năng phân tích để hoàn thành một bài báo cáo và một bài thuyết trình sử dụng tiếng Anh</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết một vấn đề mà sinh viên quan tâm; có khả năng trình bày các kết quả trong một báo cáo và một bài thuyết trình; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc nhóm, có khả năng ứng biến tốt trong các tình huống thuyết trình.</p> <p>Đồng thời, thông qua học phần Tiếng Anh 3 giúp sinh viên nhận thức tầm quan trọng của việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh, phục vụ cho công việc chuyên môn.</p>
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	
<b>1. Các học phần/module cơ sở ngành</b>	
<p><b>19.</b> <b>Module 1</b></p>	<p>Module gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo, hoạt động chức năng của tế bào, mô, cơ quan trong cơ thể người bình thường và bệnh lý. Từ đó giúp sinh viên biết cách vận dụng kiến thức cơ bản để giải thích các biểu hiện sinh lý, bệnh lý của cơ thể; làm tiền đề cho môn bệnh học trong chương trình đào tạo.</p>
<p><b>20.</b> <b>Module 2</b></p>	<p>Module y cơ sở 2 gồm có hai học phần là Vi sinh và Hóa sinh. Trong đó học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức về vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút gây bệnh; các phương pháp phát hiện, xét nghiệm vi sinh vật; các biện pháp phòng, chống vi sinh vật gây bệnh; Học phần hóa sinh cung cấp kiến thức cơ bản về cấu trúc các đại phân tử sinh học như glucid, lipid, protid và chuyển hóa của chúng trong cơ thể sống.</p> <p>Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng để tư vấn các biện pháp phòng chống bệnh đồng thời phát triển khả năng lập luận, phân biện, đưa ra các xét nghiệm sinh hóa, vi sinh phù hợp phục vụ cho chẩn đoán, điều trị bệnh.</p>
<p><b>21.</b> <b>Module 3</b></p>	<p>Module Y học cơ sở 3 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về miễn dịch đại cương, giúp người học hiểu hệ thống miễn dịch của cơ thể, phân tích được cơ chế hoạt động của đáp ứng miễn dịch, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán, phòng bệnh; làm nền tảng vững vàng cho học tập</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	lâm sàng và nghiên cứu khoa học, có khả năng thực hành an toàn, hiệu quả; khả năng học tập liên tục, phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn, rèn luyện phẩm chất người bác sĩ. Ký sinh trùng trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, đặc điểm bệnh học và tác hại của các loại ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng.
22. <b>Module 4</b>	Module cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng sinh lý của tế bào máu, mô học của hệ miễn dịch, thay đổi hình thái, chức năng một số bệnh về máu và bạch huyết. Vận dụng kiến thức đã học để giải thích rối loạn chức năng hệ máu và bạch huyết, rối loạn đông máu- cầm máu, tai biến trong truyền máu, và chẩn đoán giải phẫu bệnh một số bệnh lý của hạch.
23. <b>Module 5</b>	Nội dung module tim mạch cung cấp kiến thức về sự hình thành và phát triển của các cơ quan hệ tuần hoàn thời kỳ phôi thai; đồng thời cung cấp các kiến thức về cấu trúc, chức năng bình thường, điều hòa chức năng của hệ tim mạch. Module giúp sinh viên giải thích được cơ chế xuất hiện một số di tật bẩm sinh và cơ chế, biểu hiện các triệu chứng khi có các rối loạn cấu trúc, rối loạn chức năng, là cơ sở của thăm dò chức năng và chẩn đoán bệnh lý về tim mạch.
24. <b>Module 6:</b>	Module Hô hấp mô tả các cấu trúc đại thể, vi thể, cung cấp kiến thức cơ bản về chức năng của hệ hô hấp, giải thích cơ chế hoạt động bình thường cùng với mối liên hệ với các cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó, giúp sinh viên có thể giải thích được một số rối loạn chức năng, những biến đổi hình thái học, đối chiếu tổn thương với biểu hiện bệnh lý trên lâm sàng, đọc được một số thăm dò chức năng hệ hô hấp và chẩn đoán một số thể bệnh thường gặp điển hình của ung thư phổi.
25. <b>Module 7</b>	Học phần Kỹ năng giao tiếp với người bệnh nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo Bác sỹ Đa khoa với thời lượng 1 tín chỉ gồm 7 bài giúp sinh viên hiểu được những kỹ năng cơ bản về tâm lý người bệnh. Để từ đó rèn luyện được những phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp cần có của một người thầy thuốc.

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<p>26. <b>Module 11</b></p>	<p>Học phần Tiền lâm sàng II là học phần Kỹ năng chuyên khoa cơ bản, nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư vấn tăng cường sự tuân thủ điều trị, thông báo tình huống xấu; các kỹ năng thăm khám – thủ thuật cơ bản về nội, ngoại, sản, nhi; tổng hợp thăm khám và xử trí cấp cứu ban đầu một số tình huống lâm sàng. Qua tiếp cận với bệnh nhân giả, mô hình, thảo luận nhóm, xử trí tình huống, sinh viên sẽ rèn luyện và lồng ghép các kỹ năng giao tiếp, thăm khám và thủ thuật vào tiếp cận trường hợp bệnh để chuẩn bị thực hành thực tế tại bệnh viện. Sinh viên được đánh giá và phản hồi mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần thông qua các hình thức: kiểm tra trong giờ học, bài tập tự học, kiểm tra cuối kỳ qua tự luận, OSCE...</p>
<p>27. <b>Module 15</b></p>	<p>Module Tiền lâm sàng 3 là học phần trang bị cho người học các kỹ năng trước khi đi Lâm sàng các chuyên khoa lẻ (RHM/ Mắt/ TMH), bao gồm: Nhìn và thực hiện được kỹ năng cơ bản trong quá trình thăm khám và điều trị bệnh nhân Mắt/ RHM/TMH. Từ đó, người học được làm quen với kỹ năng khai thác bệnh lý và quy trình khám bệnh chuyên khoa cũng như làm quen với các trang thiết bị chuyên khoa trong quá trình đi lâm sàng.</p>
<p>28. <b>Module 8</b></p>	<p>Module hệ Tiêu hóa nghiên cứu hình thái, cấu trúc đại thể, vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan; cung cấp kiến thức cơ bản về chức năng và thay đổi chức năng của hệ tiêu hóa; ngoài ra còn cung cấp kiến thức về phôi thai học, nghiên cứu sự hình thành, phát triển của các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa.. Từ đó người học có khả năng lập luận, phản biện, ra quyết định dựa vào bằng chứng khoa học, có nền tảng vững vàng cho kĩ năng lâm sàng và nghiên cứu khoa học, có khả năng thực hành an toàn, hiệu quả; khả năng học tập liên tục, phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn, rèn luyện phẩm chất người bác sĩ.</p>
<p>29. <b>Module 9</b></p>	<p>Module thận tiết niệu cung cấp kiến thức về cấu tạo, chức năng của tế bào, mô thận tiết niệu trong trạng thái bình thường, nghiên cứu về sự hình thành và phát triển cơ quan thuộc tiết niệu để giải thích một số dị tật bẩm sinh, đồng thời cung cấp cho người học kiến thức về những thay đổi cấu trúc và chức năng của hệ thận, tiết niệu. Qua đó người học có thể chẩn đoán được những tổn thương và phân tích những thay đổi chức năng trong một số bệnh lý thận</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	tiết niệu điển hình, giúp người học có có khả năng lập luận, phân biện, có nền tảng cho môn bệnh học lâm sàng.
<b>30.</b> <b>Module</b> <b>10</b>	Module da cơ xương cung cấp cho sinh viên y khoa cấu trúc và chức năng bình thường của hệ thống da cơ xương khớp. Thông qua module này giúp cho sinh viên có kiến thức giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh và mô học trong hệ thống da cơ xương khớp, từ đó giúp người học có có khả năng lập luận, phân biện, có nền tảng cho môn bệnh học lâm sàng.
<b>31.</b> <b>Module</b> <b>12</b>	<p>Module Hệ Nội tiết - Chuyển hóa gồm có sự tham gia giảng dạy của các bộ môn Mô học - Phôi thai học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh - Pháp y.</p> <p>Hệ Nội tiết - Chuyển hóa cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về hệ nội tiết ở người bình thường và những biến đổi hình thái, chức năng khi có bệnh lý.</p> <p>Trong đó Mô học Hệ nội tiết nghiên cứu về cấu tạo hình thái ở mức độ vi thể và siêu vi thể của tế bào, mô, các cơ quan thuộc hệ nội tiết ở người bình thường. Sinh lý học nghiên cứu hoạt động chức năng thông qua bản chất hóa học, tác dụng và điều hòa bài tiết từng hormon của các tuyến nội tiết. Giải phẫu bệnh nghiên cứu kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học, tổn thương của tế bào và mô từ đó liên hệ tổn thương với biểu hiện của bệnh lý nội tiết. Sinh lý bệnh nghiên cứu rối loạn của hệ nội tiết, bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh các bệnh lý nội tiết, từ đó có cơ sở để chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh.</p> <p>Trên cơ sở kiến thức đã học, người học có khả năng lập luận, phân biện, ra quyết định dựa vào bằng chứng khoa học, có nền tảng vững vàng cho kỹ năng lâm sàng và nghiên cứu khoa học; khả năng học tập liên tục, phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn, rèn luyện phẩm chất người bác sĩ.</p>
<b>32.</b> <b>Module</b> <b>13</b>	Module sinh sản là module bắt buộc sinh viên phải học trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa. Nội dung giảng dạy bao gồm các kiến thức về giải phẫu học, mô phôi thai học, sinh lý học, sinh lý bệnh, giải phẫu bệnh. Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo, hoạt động chức năng của hệ sinh sản trong cơ thể người bình thường và bệnh lý, về hoạt động chức năng,

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>cơ chế bệnh sinh, hình thái học của hệ sinh sản được tích hợp theo các chủ đề, tình huống dạy. Học xong module này người học có khả năng mô tả được hình thái, cấu trúc, quá trình hình thành hệ thống, cơ quan sinh dục bình thường cũng như bất thường. Mô tả và giải thích được các biểu hiện, dấu hiệu của đặc điểm sinh dục sinh sản bình thường và bất thường. Từ đó giúp sinh viên biết cách vận dụng kiến thức y học cơ sở cơ bản để giải thích các biểu hiện sinh lý, bệnh lý của cơ thể; để nhận định, phân giải một số kết quả xét nghiệm cũng như tư vấn, giáo dục các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản làm tiền đề cho môn bệnh học trong chương trình đào tạo.</p>
<p><b>33.</b> <b>Module</b> <b>14</b></p>	<p>Module hệ Thần kinh nghiên cứu hình thái, cấu trúc đại thể, vi thể, siêu vi thể của tế bào, mô và các cơ quan; cung cấp kiến thức cơ bản về chức năng và thay đổi chức năng của hệ thần kinh; ngoài ra module còn cung cấp kiến thức về phôi thai học, nghiên cứu sự hình thành, phát triển của các cơ quan thuộc hệ thần kinh. Từ đó người học có khả năng lập luận, phân biện, ra quyết định dựa vào bằng chứng khoa học, có nền tảng vững vàng cho kỹ năng lâm sàng và nghiên cứu khoa học, có khả năng thực hành an toàn, hiệu quả; khả năng học tập liên tục, phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn, rèn luyện phẩm chất người bác sĩ.</p>
<p><b>34. Điều</b> <b>dưỡng</b></p>	<p>Học phần Điều dưỡng cơ bản là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa. Đây là một trong những học phần kỹ năng thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiền lâm sàng cơ bản về thực hành các kỹ năng điều dưỡng trên các vật liệu học tập tại phòng thực hành đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người bệnh. Học phần lý thuyết cung cấp các nội dung cơ bản liên quan đến cơ sở lý thuyết của các kỹ năng điều dưỡng cơ bản, các trường hợp áp dụng, không áp dụng, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, cách xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường mà một nhân viên y tế phải làm. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng để học tiếp các môn như: Nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa... Học phần thực hành rèn luyện cho sinh viên thực hành các kỹ năng điều dưỡng cơ bản đúng quy trình dựa theo bảng kiểm học tập. Lượng giá kỹ năng bằng hình thức thi chạy trạm</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản để tự tin thực hành trên người bệnh trong các học phần lâm sàng tiếp theo.
<b>35. Dược lý đại cương</b>	Học phần Dược lý đại cương trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về dược lý đại cương (dược động học, các cách tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, dị ứng thuốc) và dược lý học (tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tương tác thuốc, liều dùng) của các nhóm thuốc/thuốc phòng và điều trị bệnh. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn kỹ năng nhận thức thuốc, kê đơn thuốc theo tình huống ca bệnh, phân tích đơn thuốc và thí nghiệm tác dụng dược lý của một số thuốc trên động vật. Từ đó, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học trong việc kê đơn điều trị bệnh, thông tin, tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả..
<b>36. Dược lâm sàng</b>	Học phần Dược lâm sàng trang bị kiến thức về sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên lâm sàng như: Tương tác thuốc, dị ứng thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc. Học phần giúp người học phân tích, biện giải thuốc trên lâm sàng và xử trí các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trên bệnh nhân.
<b>37. Chẩn đoán hình ảnh</b>	<p>Học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm hình ảnh bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên các phương tiện chẩn đoán hình ảnh</p> <p>Kỳ vọng sinh viên trong quá trình học sẽ tiếp thu được kiến thức cơ bản về chẩn đoán hình ảnh để áp dụng trong chuyên ngành y cổ truyền.</p>
<b>38. Dinh dưỡng – An toàn</b>	Học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản về các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm hình ảnh bệnh lý của các cơ quan thuộc bộ máy tim mạch-lồng ngực, hô hấp, cơ xương khớp, ống tiêu hóa, tiết niệu trên các

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>thực phẩm</b>	phương tiện chẩn đoán hình ảnh Kỳ vọng sinh viên trong quá trình học sẽ tiếp thu được kiến thức cơ bản về chẩn đoán hình ảnh để áp dụng trong chuyên ngành y cổ truyền.
<b>39. Truyền thông giáo dục sức khỏe</b>	Học phần Truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo Dược sỹ với thời lượng 2,0 tín chỉ gồm 7 bài giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe từ đó vận dụng được các nguyên tắc truyền thông - Giáo dục sức khỏe vào trong công tác truyền thông - Giáo dục sức khỏe của mình. Học phần có vị trí và vai trò quan trọng trong chương trình dạy học để đóng góp vào chương trình đào tạo. Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong; lập được kế hoạch TTGDSK trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe.
<b>40. Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia – Dân số</b>	Học phần Tổ chức - quản lý y tế và Chương trình y tế quốc gia – Dân số gồm 3 phần nội dung cơ bản: Tổ chức - quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số: Phần Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản. Phần Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại và giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về các khái niệm liên quan đến dân số, phân tích và chứng minh sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa dân số và phát triển, nội dung phong phú của mối quan hệ này và trình bày lý luận lồng ghép giữa dân số và kế hoạch hóa phát triển
<b>41. Sức khỏe môi trường – sức khỏe</b>	Học phần môn SKMT-SKNN cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ảnh hưởng của môi trường và công việc đối với sức khỏe con người, nội dung có thể bao gồm những chủ đề sau: khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng lên sức khỏe (nước, không khí, ánh sáng, đất đai, khí hậu, tiếng

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>nghề nghiệp</b>	<p>ồn...), mối quan hệ giữa ô nhiễm môi trường và các bệnh tật (bệnh hô hấp, tim mạch, ung thư..), các phương pháp đánh giá và kiểm soát chất lượng môi trường, các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước các tác nhân môi trường. Bên cạnh đó nội dung về sức khỏe nghề nghiệp sẽ bao gồm: những yếu tố nguy cơ trong môi trường làm việc (hóa chất, bụi, tiếng ồn, yếu tố vật lý, tâm lý...), các bệnh nghề nghiệp phổ biến (bệnh liên quan đến y tế, nông nghiệp, xây dựng, chế biến thực phẩm, các chiến lược phòng ngừa, giám sát sức khỏe nghề nghiệp và cải thiện điều kiện làm việc, quy định pháp luật liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ người lao động</p> <p>Học phần này giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môi trường và điều kiện làm việc đối với sức khỏe con người, từ đó có thể đưa ra các giải pháp để giảm thiểu tác động xấu đến sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống</p>
<b>42. Dịch tễ học</b>	<p>Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.</p>
<b>43. Kinh tế y tế- Bảo hiểm y tế</b>	<p>Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế là học phần thuộc chương trình đào tạo y khoa được học trong năm thứ năm . Học phần này cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên các nội dung liên quan đến KTYT -BHYT khi thực hành nghề nghiệp.</p> <p>Phần KTYT giới thiệu kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và cung cấp dịch vụ y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong việc cung cấp dịch vụ y tế, đo lường gánh nặng bệnh tật, định hướng phân tích chi phí hiệu quả và ứng dụng của nó trong nguồn lực khan hiếm. Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên các nội dung liên quan đến chính sách Bảo hiểm y tế của Nhà nước, vận dụng các quy định này trong thực hành nghề nghiệp.</p>
<b>44. Tính chuyên nghiệp y</b>	<p>Học phần Tính chuyên nghiệp y khoa nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo Bác sỹ Đa khoa với thời lượng 1,5 tín chỉ gồm 07 bài giúp sinh viên hiểu được những kiến thức khoa học cơ bản về tính chuyên nghiệp,</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>khoa</b>	nguyên tắc, nguyên lý đạo đức trong thực hành chăm sóc y khoa. Để từ đó rèn luyện được những phẩm chất đạo đức, kỹ năng, tính chuyên nghiệp cần có của một người thầy thuốc.
<b>2. Các học phần/module chuyên ngành</b>	
<b>45. Nội cơ sở</b>	<p>Học phần nội cơ sở hướng dẫn sinh viên cách tiếp cận bệnh nhân, khai thác triệu chứng cơ năng, thăm khám toàn diện nhằm phát hiện được triệu chứng; nắm được nguyên nhân gây bệnh, phương pháp thăm dò trong bệnh lý hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thận tiết niệu, huyết học thần kinh, nội tiết, cơ xương khớp, các triệu chứng chung thường gặp để chỉ định đúng và nhận định được kết quả làm cơ sở để hướng tới chẩn đoán bệnh. Học phần giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản để học tiếp học phần nội bệnh lý và các học phần khác.</p>
<b>46. Ngoại cơ sở</b>	<p><b>Học phần NGOẠI CƠ SỞ</b> cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thăm khám, nhận biết triệu chứng, hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về vô khuẩn, tiết khuẩn trong ngoại khoa, cũng như nguyên tắc sơ cứu ban đầu đối với một số cấp cứu ngoại khoa phổ biến.</p> <p>Trong quá trình học, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử, thăm khám và phát hiện các triệu chứng, hội chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh thuộc hệ tiêu hóa, lồng ngực, mạch máu, cũng như nhiễm khuẩn trong ngoại khoa. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên nhận diện triệu chứng và hội chứng của các bệnh ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình và ngoại niệu thường gặp.</p> <p>Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được thực hành sơ cứu ban đầu trong cấp cứu ngoại khoa, áp dụng phương pháp luận khoa học trong công tác chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và nghiên cứu khoa học</p>
<b>47. Nội bệnh lý 1</b>	<p>Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh: nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.
<b>48. Ngoại bệnh lý 1</b>	<p>Học phần Ngoại bệnh lý 1, nhằm giúp sinh viên nắm vững được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản về Ngoại khoa để khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và thái độ xử trí về bệnh lý ngoại khoa</li> <li>- Cách thăm khám phát hiện các triệu chứng lâm sàng thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường trong Ngoại khoa</li> <li>- Chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường</li> <li>- Chẩn đoán được một số bệnh ngoại khoa thông thường</li> <li>- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của ngoại khoa</li> <li>- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học</li> </ul>
<b>49. Sản phụ khoa 1</b>	Sản phụ khoa 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên ngành Y khoa trình độ đại học. Nội dung học phần cung cấp cho người học gồm những nét cơ bản của môn Phụ sản, tập trung vào các vấn đề của sản thường (đặc điểm sinh lý, bệnh lý, điều trị và phòng bệnh các giai đoạn trước sinh, trong sinh và sau sinh), một số đặc điểm sinh lý, triệu chứng và điều trị bệnh phụ khoa thường gặp, và các kiến thức về kế hoạch hóa gia đình.
<b>50. Nhi khoa 1</b>	<p>Học phần Nhi khoa 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa trình độ đại học. Học phần gồm những vấn đề chính của chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý, tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động trẻ em.</p> <p>Các kiến thức cơ bản về bệnh lý thường gặp trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các nguyên tắc xử trí bệnh. Chẩn đoán và xử trí các bệnh, các cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.</p>
<b>51. Phẫu thuật thực</b>	Phẫu thuật thực hành là môn học liên quan chặt chẽ với các môn học lâm sàng, đặc biệt là ngoại khoa. Giảng dạy những khái niệm tổng quát về phẫu

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>hành</b>	<p>thuật, lịch sử phẫu thuật, những tiến bộ quan trọng của phẫu thuật trong thời kỳ hiện tại, cũng như các phẫu thuật cơ bản và kinh điển thường được thực hiện phổ biến giúp cho sinh viên làm quen với một số kỹ thuật trước khi tiếp xúc trực tiếp trên bệnh nhân tại bệnh viện.</p> <p>Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về phẫu thuật ngoại khoa, bao gồm nguyên tắc cơ bản như rửa tay, mặc áo, mang găng vô khuẩn. Tiếp đó, sinh viên học cách áp dụng những kiến thức này vào thực hành các kỹ thuật ngoại khoa cơ bản như, đóng mở thành bụng, khâu nối tiêu hóa trên mô hình hoặc động vật thực nghiệm. Ngoài ra, sinh viên cũng được đào tạo các kỹ thuật cấp cứu trong ngoại khoa như mở khí quản, dẫn lưu màng phổi, mở thông bàng quang trên mô hình hoặc động vật thực nghiệm. Thông qua quá trình học tập và rèn luyện, có thể phát triển các năng lực làm việc nhóm, làm việc độc lập</p>
<b>52. Hồi sức cấp cứu</b>	<p>Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp trong việc nhận diện, xử trí ban đầu và hỗ trợ điều trị các tình huống cấp cứu thường gặp. Sinh viên sẽ có khả năng tiếp cận bệnh nhân trong tình trạng nguy kịch, đánh giá nhanh, đưa ra quyết định phù hợp và thực hiện các kỹ thuật cấp cứu cơ bản trong môi trường lâm sàng.</p>
<b>53. Da liễu</b>	<p>Học phần Da liễu là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa trình độ đại học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh,, tổn thương cơ bản, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh Da liễu thường gặp . Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.</p>
<b>54. Thần kinh</b>	<p>Có vị trí , vai trò quan trọng để hình thành phẩm chất, năng lực của người bác sỹ . Nội dung bao gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp: khám vận động, cảm giác, phản xạ, phối hợp vận động thăng bằng, 12 đôi dây thần kinh sọ não, dấu hiệu (tăng áp lực nội sọ, Kernig, Babinsky, Romberg...). Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng và bệnh thần kinh thường gặp: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng thất lưng hông, liệt mặt, tai biến mạch máu</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>não, ...Môn nội thần kinh liên quan đến kiến thức môn nội bệnh lý, ngoại bệnh lý. Để học tốt môn này người học cần phải có kiến thức về giải phẫu và sinh lý thần kinh người.</p> <p>Do sự phát triển của khoa học- kỹ thuật đã có nhiều phương pháp hỗ trợ tốt chẩn đoán bệnh thần kinh: chụp (cộng hưởng từ hạt nhân, cắt lớp PET, SPECT,...), siêu âm Doppler, điện cơ, điện thế khiêu gợi,...đồng thời đã mở ra nhiều phương pháp nghiên cứu mới như dùng tế bào gốc, dược phẩm mới,... Có nhiều công trình nghiên cứu sâu để chữa các bệnh thần kinh khó như: Alzheimer, đieck thần kinh, các chứng đau, Parkinson,...đang hứa hẹn triển vọng tốt.</p>
<b>55. Lao và bệnh phổi</b>	<p>Môn học Lao cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về bệnh lao: Dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng một số bệnh lao thường gặp. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá</p>
<b>56. Truyền nhiễm</b>	<p>Môn học Truyền nhiễm cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về bệnh truyền nhiễm: Dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, nguyên tắc dự phòng để chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm thường gặp. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá</p>
<b>57. Phục hồi chức năng</b>	<p>Phục hồi chức năng là các biện pháp y học, xã hội, hướng nghiệp, giáo dục làm hạn chế tối đa giảm chức năng, tạo cho người khuyết tật có cơ hội tham gia các hoạt động để hội nhập, tái hội nhập xã hội, có cơ hội bình đẳng trong cộng đồng xã hội.</p> <p>Sinh viên được học, thực hành, đưa ra phương pháp PHCN phù hợp cho các mặt bệnh thường gặp trên từng bệnh nhân cụ thể giúp sinh viên có kiến thức PHCN cơ bản sau khi tốt nghiệp, có thể tự tin với các kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã được bộ môn trang bị để tham gia công tác khám chữa bệnh tại cơ sở làm việc.</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>58. Sức khoẻ tâm thần</b>	<p>Môn học Tâm thần học cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học hiện đại: Các chức năng tâm lý (tức hoạt động tinh thần) và mối liên quan với cơ sở giải phẫu và sinh lý thần kinh trong sức khoẻ tâm thần lành mạnh- Các chức năng tâm lý bất thường và các dấu hiệu, triệu chứng, hội chứng trong các Rối loạn tâm thần- Các nguyên tắc can thiệp và quản lý bệnh, dùng thuốc và không dùng thuốc trong các Rối loạn tâm thần. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phỏng vấn, suy luận, đánh giá.</p>
<b>59. Mắt</b>	<p>Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nhãn khoa cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý mắt, cách chẩn đoán, điều trị các bệnh mắt thường gặp, mối liên quan giữa bệnh mắt và các bệnh toàn thân và các chấn thương mắt thường gặp.</p> <p>Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt. Bao gồm cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp.</p>
<b>60. Răng hàm mặt</b>	<p>Môn học Răng hàm mặt bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nha khoa. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý răng miệng, cách chẩn đoán, điều trị các bệnh răng miệng hay gặp, mối liên quan giữa bệnh RHM với các bệnh toàn thân và các chấn thương hàm mặt thường gặp.</p> <p>Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa RHM. Bao gồm cách khám răng miệng thông thường, cách khám và chẩn đoán bệnh nhân bị Sâu răng, viêm tủy răng, viêm quanh răng, viêm quanh cuống răng và xử trí cấp cứu chấn thương hàm mặt. Hướng dẫn cách chăm sóc răng miệng và cách tuyên truyền phòng bệnh trong cộng đồng.</p>
<b>61. Tai mũi họng</b>	<p>Môn học Tai Mũi Họng cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng bao gồm những bệnh lý Tai Mũi Họng và cấp cứu thường gặp ở mọi độ tuổi. Môn học hướng dẫn sinh viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	Mũi Họng thông thường. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.
<b>62. Lão</b>	Môn học Lão khoa cung cấp cho người học về thực trạng già hóa dân số và các gánh nặng kinh tế - xã hội của quá trình già hóa dân số. Đồng thời, cung cấp các kiến thức về người cao tuổi: Đặc điểm sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.
<b>63. Ung thư</b>	Sinh viên được trang bị kiến thức về dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán, loại trừ, nguyên tắc điều trị, lập kế hoạch điều trị và điều trị thực tiễn từ đó có thể tự nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc, điều trị và xử trí biến chứng, di chứng bệnh nhân mắc bệnh Ung thư. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp
<b>64. Module 16: Y học cổ truyền</b>	Môn học Y học cổ truyền cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học cổ truyền như: Lý luận cơ bản của y học cổ truyền, cách khám, làm bệnh án YHCT, điều trị bằng phương pháp dùng thuốc và không dùng thuốc (Châm cứu, XBBH, KCDS) của Y học cổ truyền.. Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng nhận xét, đánh giá.
<b>65. Nội bệnh lý 2</b>	Học phần Nội bệnh lý 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế bệnh sinh, tổn thương cơ bản của bệnh, các phương pháp thăm dò cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và cập nhật kiến thức mới về hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, thận tiết niệu, huyết học, nội tiết, cơ xương khớp. Phần thực hành lâm sàng người học thực hành thăm khám, chẩn đoán và xây dựng kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho một số bệnh lý nội khoa thường gặp trên lâm sàng.
<b>66. Ngoại bệnh lý 2</b>	Môn học Ngoại bệnh lý 2 cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng về Y học hiện đại: Đặc điểm dịch tễ, sinh - bệnh lý, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp trong cộng đồng, đồng thời có khả năng dựa vào các kiến thức cơ bản về giải phẫu, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh để phân tích các triệu chứng lâm sàng, chẩn

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>đoán và đưa ra được chỉ định và đánh giá được một số kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán, xử trí các bệnh ngoại khoa thông thường và thực hiện được một số thủ thuật, tiểu phẫu thuật cơ bản khi điê trị các bệnh lý ngoại khoa. Làm việc độc lập và làm việc nhóm. Tự đánh giá được công việc của bản thân và của nhóm, thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh một số bệnh lý ngoại khoa.</p>
<p><b>67. Sản phụ khoa 2</b></p>	<p>Sản phụ khoa 2 là môn học về các chứng bệnh của riêng người phụ nữ, bao gồm các bệnh của bộ máy sinh dục nữ và tất cả những gì có liên quan. Học phần nhằm trang bị cho học sinh kiến thức về đặc điểm sinh lý, bệnh lý, cách khám phát hiện bệnh, cách phòng và điều trị các bệnh phụ khoa, sản khoa. Gồm các nội dung cơ bản:</p> <p>Đặc điểm sinh lý, bệnh lý, nguyên tắc điều trị sản phụ khoa</p> <p>Phụ khoa: Bệnh lý của bộ phận sinh dục nữ ngoài thời kỳ sinh đẻ</p> <p>Sản khoa: Là tình trạng thai nghén và các bệnh lý liên quan đến sinh đẻ</p>
<p><b>68. Nhi khoa 2</b></p>	<p>Học phần Nhi khoa 2 sẽ ôn lại, củng cố và hoàn thiện các kiến thức đã học ở học phần Nhi khoa 1. Học phần này giúp sinh viên hoàn thiện hơn các kỹ năng thăm khám, ra chỉ định xét nghiệm, phân tích kết quả xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhi khoa cơ bản đã được học ở học phần Nhi khoa 1, bên cạnh đó bổ sung kiến thức chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý cấp cứu Nhi thường gặp và các bệnh lý khác, ít gặp hơn và phức tạp hơn mà các học phần khác chưa được học.</p> <p>Học phần Nhi khoa 2 giúp sinh viên nâng cao tính tích cực, chủ động và chuyên nghiệp, tạo mọi trường để sinh viên trở thành bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.</p>
<p><b>69. Nội khoa (TTNN)</b></p>	<p>Học phần Nội khoa (thực tế nghề nghiệp) giúp sinh viên năm cuối hệ Y khoa có cơ hội vận dụng toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp vào thực hành lâm sàng trong môi trường thực tế lĩnh vực Nội khoa. Sinh viên sẽ phát triển năng lực chẩn đoán, điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ chính thức.</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
<b>70. Nhi khoa (TTNN)</b>	<p>Học phần Nhi khoa (thực tế nghề nghiệp) giúp sinh viên năm cuối hệ Y khoa có cơ hội vận dụng toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp vào thực hành lâm sàng trong môi trường thực tế lĩnh vực Nhi khoa. Sinh viên sẽ phát triển năng lực chẩn đoán, điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ chính thức.</p>
<b>71. Ngoại khoa (TTNN)</b>	<p>Học phần Ngoại khoa (thực tế nghề nghiệp) giúp sinh viên năm cuối hệ Y khoa có cơ hội vận dụng toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp vào thực hành lâm sàng trong môi trường thực tế lĩnh vực Ngoại khoa. Sinh viên sẽ phát triển năng lực chẩn đoán, điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ chính thức.</p>
<b>72. Phụ sản (TTNN)</b>	<p>Học phần Phụ sản (thực tế nghề nghiệp) giúp sinh viên năm cuối hệ Y khoa có cơ hội vận dụng toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp vào thực hành lâm sàng trong môi trường thực tế lĩnh vực Phụ sản. Sinh viên sẽ phát triển năng lực chẩn đoán, điều trị và quản lý bệnh nhân, đồng thời rèn luyện đạo đức y học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trước khi trở thành bác sĩ chính thức.</p>
<b>73. Chuyên môn tổng hợp (Nội-Nhi)</b>	<p>Học phần Nội - Nhi là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo năm thứ 6 của sinh viên y khoa bước chuẩn bị quan trọng nhằm giúp sinh viên y khoa hoàn thiện kiến thức, sẵn sàng bước vào môi trường làm việc chuyên nghiệp với vai trò bác sĩ tương lai. Môn học bao gồm hai chuyên ngành cốt lõi: Nội khoa và Nhi khoa, giúp sinh viên củng cố, hệ thống hóa và vận dụng kiến thức vào thực hành lâm sàng.</p> <p>*Phần Nội Khoa: cung cấp cho sinh viên kiến thức và thực hành về bệnh lý, các phương pháp chẩn đoán và điều trị những bệnh nội khoa thường gặp trong các chuyên khoa nội tiết, xương – khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa. Nội dung biên soạn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về điều trị, qua đó sinh viên có thể thực hành có hiệu quả việc chăm sóc, điều trị dự phòng bệnh và có thể tham gia xử trí những trường hợp cấp cứu trong lĩnh vực khoa nội tiết, xương –</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	<p>khớp, hồi sức cấp cứu, tim mạch, hô hấp, thận, tiêu hóa.</p> <p>*Phần Nhi khoa: cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, xử trí các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, huyết học, thần kinh, tim mạch, các bệnh lý sơ sinh như dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên rèn luyện những kiến thức, kỹ năng và thái độ trong công tác chẩn đoán và xử trí ban đầu các bệnh lý cấp cứu ở trẻ em.</p>
<p><b>74.</b> <b>Chuyên</b> <b>môn tổng</b> <b>hợp</b> <b>(Ngoại-</b> <b>Sản)</b></p>	<p>Học phần Ngoại – Sản là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo năm thứ 6 của sinh viên y khoa bước chuẩn bị quan trọng nhằm giúp sinh viên y khoa hoàn thiện kiến thức, sẵn sàng bước vào môi trường làm việc chuyên nghiệp với vai trò bác sĩ tương lai. Môn học bao gồm hai chuyên ngành cốt lõi: Ngoại khoa và Phụ sản, giúp sinh viên củng cố, hệ thống hóa và vận dụng kiến thức vào thực hành lâm sàng.</p> <p>*Phần Ngoại khoa: gồm cấp cứu ngoại khoa về bụng cấp, các bệnh lý lồng ngực mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình. Chi tiết học phần gồm bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh, chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị các bệnh cấp cứu bụng, ngoại tiêu hóa, lồng ngực-mạch máu, ngoại niệu, ngoại chấn thương chỉnh hình.</p> <p>*Phần Sản phụ khoa: giúp cho sinh viên có thể chẩn đoán phân loại thai kỳ nguy cơ cao (sản bệnh, sản khó) từ đó đưa ra quy trình quản lý thai kỳ, điều trị sản bệnh phù hợp, quản lý thai kỳ. Học phần cũng giúp cho sinh viên có kiến thức để thực hiện được một số thủ thuật không xâm lấn trong chẩn đoán và điều trị sản phụ khoa, thăm dò bệnh lý ung thư phụ khoa</p>
<p><b>75. Thực</b> <b>tế cộng</b> <b>đồng</b></p>	<p>Thời gian thực hiện tại trạm y tế xã và cộng đồng dân cư để giúp sinh viên thực hành kỹ năng xác định vấn đề sức khoẻ, lập và thực hiện kế hoạch tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng.</p> <p>Nội dung: Làm quen về tổ chức và điều kiện sống của cộng đồng; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng bằng cách thu thập thông tin qua điều tra, phỏng vấn, thăm hộ gia đình; phân tích, giải thích kết quả, tìm ra vấn đề sức khoẻ cộng đồng; thực hành giáo dục sức khoẻ; chăm sóc và điều trị một số bệnh thông thường, sơ cấp cứu ban đầu. Kết thúc đợt thực tập</p>

TÊN HP	MÔ TẢ HỌC PHẦN
	viết báo cáo về lập kế hoạch can thiệp một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.
<b>III. Các học phần tự chọn</b>	
<b>76. Pháp y</b>	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về y pháp học; các hình thái tổn thương và các hình thái chết do các nguyên nhân khác nhau; trình tự giám định pháp y tử thi, giúp sinh viên nhận thức được vai trò và ứng dụng kiến thức y học trong pháp luật để có thể giải quyết đúng đắn những vụ việc có quan hệ đến pháp lý trong công tác khám, chẩn đoán và điều trị hàng ngày tại các cơ sở y tế.
<b>77. Gây mê hồi sức</b>	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển ngành gây mê hồi sức, tổ chức khoa Gây mê Hồi sức, các phương pháp vô cảm, quy trình khám tiền mê và chuẩn bị bệnh nhân trước mổ. Sinh viên được học về các nhóm thuốc sử dụng trong gây mê, bao gồm thuốc mê, thuốc tê, thuốc giãn cơ và thuốc giảm đau. Ngoài ra, chương trình còn trang bị kỹ năng nhận diện và xử trí các tai biến, biến chứng trong gây mê, cũng như chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật. Môn học nhấn mạnh thái độ cẩn trọng, tuân thủ nguyên tắc an toàn và làm việc chuyên nghiệp trong gây mê hồi sức.
<b>78. Một sức khỏe</b>	Học phân nhằm giới thiệu các nội dung cơ bản về một sức khỏe, các năng lực cốt lõi, đánh giá và quản lý nguy cơ theo nguyên lý một sức khỏe và vai trò của những năng lực trong hỗ trợ giải quyết các vấn đề một sức khỏe.
<b>79. Y học gia đình</b>	Mỗi bài trong phần này sẽ tập chung đi sâu vào phân tích từng khía cạnh của Y học gia đình như các nguyên lý trong thực hành y học gia đình, sử dụng một số công cụ trong đánh giá gia đình, quản lý được các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng cũng như khám sàng lọc và tư vấn cho bệnh nhân ngoại trú và đặc biệt biết cách chăm sóc sức khỏe theo vòng đời dựa vào các nguyên lý y học gia đình để sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được các khái niệm, nguyên lý, công cụ đánh giá gia đình, quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

**8.5. Ma trận đóng góp của các học phần theo yêu cầu năng lực của chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo**

Ghi chú: Chú thích: 3: đáp ứng cao; 2: đáp ứng trung bình; 1: đáp ứng thấp

Bảng 14. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1.	Giáo dục quốc phòng- An ninh															
2.	Giáo dục thể chất 1		2													
3.	Giáo dục thể chất 2		2													
4.	Triết học Mác – Lê nin	3						1								
5.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	3									1					
6.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2						1			1					
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3						1								
8.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3						1			1					
9.	Pháp luật đại cương	3						2							3	
10.	Hóa học		2								1					
11.	Lý sinh		2					2								
12.	Sinh học và di truyền		2					2								
13.	Xác suất thống kê trong y học		2					1			3		2			
14.	Tin học		1								2		3			1
15.	Phương pháp		3					3			3			3		3

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	nghiên cứu khoa học y học															
16.	Tiếng Anh 1		2					2				2	2			
17.	Tiếng Anh 2		2					2				2	3			
18.	Tiếng Anh 3		2					2				2	3			
19.	Module 1: Y cơ sở 1 (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)		2					1								
20.	Module 2: Y cơ sở 2 (Hoá sinh, Vi sinh)		2	1				1								
21.	Module 3: Y cơ sở 3 (Miễn dịch, Ký sinh trùng)		2	1				1								
22.	Module 4: Hệ huyết học- Bạch huyết		2	1				1								
23.	Module 5: Hệ tim mạch		2	1				1								
24.	Module 6: Hệ hô hấp		2	1				1								
25.	Module 7: Tiền lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp)		1					3							3	
26.	Module 11: Tiền lâm sàng 2 (Nội, Ngoại, Sản, Nhi)		2	2				1								

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
27.	Module 15: Tiền lâm sàng 3 (Mắt, TMH, RHM)			2	2			3								
28.	Module 8: Hệ tiêu hoá		2	2				1								
29.	Module 9: Hệ tiết niệu		2	1				1								
30.	Module 10: Hệ Da - Cơ - Xương		2					1								
31.	Module 12: Hệ Nội tiết, chuyên hóa		2	1				1								
32.	Module 13: Sinh sản		2	1				1								
33.	Module 14: Hệ thần kinh		2	1				1								
34.	Điều dưỡng		2		1		1	1								2
35.	Dược lý đại cương		2			3		2			2				2	2
36.	Dược lâm sàng		2			2										
37.	Chẩn đoán hình ảnh		2	3				2							2	
38.	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm		2			1		3			1					1
39.	Truyền thông giáo dục sức khỏe		2					3							3	3
40.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số		2					2							2	2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
41.	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp		2					2							2	2
42.	Dịch tễ học		2					3		3	3				2	
43.	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế		2					2							1	2
44.	Tính chuyên nghiệp y khoa		2													3
45.	Nội cơ sở		2	2		1		1							2	2
46.	Ngoại cơ sở		2	2			2	2							2	2
47.	Nội bệnh lý 1		3	3	2	2	2	2							2	2
48.	Ngoại bệnh lý 1		3	3	2	2	2	2							2	2
49.	Sản phụ khoa 1		3	3	2	2	2	2							2	2
50.	Nhi khoa 1		3	3	2	2	1	2							2	2
51.	Phẫu thuật thực hành		2		2	2									1	
52.	Hồi sức cấp cứu		2	2	2	2	3	2								2
53.	Da liễu		3	3	3	3		2			1				2	2
54.	Thần kinh		3	3	3	3	2	2								2
55.	Lao và bệnh phổi		3	3	3	3	2	2							2	2
56.	Truyền nhiễm		3	3	3	3	2	2		3					2	2
57.	Phục hồi chức năng		3	3	3	3		2							2	2
58.	Sức khỏe tâm thần		3	3	3	3	2	2								2
59.	Mắt		3	3	3	3	2	2							2	2
60.	Răng hàm mặt		3	3	3	3	2	2							2	2
61.	Tai mũi họng		3	3	3	3	2	2							2	2
62.	Lão		3	3	3	3		3								3
63.	Ung thư		3	3	2	2	2	2							2	2

STT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
64.	Module 16: Y học cổ truyền		3	3	3	3	2	3	3							2
65.	Nội bệnh lý 2		3	3	3	3	3	2			2				2	3
66.	Ngoại bệnh lý 2		3	3	3	3	3	2			2				2	2
67.	Sản phụ khoa 2		3	3	3	3	3	2			2				2	2
68.	Nhi khoa 2		3	3	3	3	3	2			2				2	2
69.	Nội khoa (TTNN)		3	3	3	3	2	2			2				2	2
70.	Nhi khoa (TTNN)		3	3	3	3	2	2			2				2	2
71.	Ngoại khoa (TTNN)		3	3	3	3	2	2			2				2	2
72.	Phụ sản (TTNN)		3	3	3	3	2	2			2				2	2
73.	Chuyên môn tổng hợp (Nội-Nhi/Ngoại-Sản)		3			3	2	3								
74.	Khoá luận tốt nghiệp		3					3			2	3			3	3
75.	Thực tế cộng đồng		3					3	2	2		2			3	3
<b>Học phần/môn học tự chọn: Chọn 1 trong 2 khối kiến thức (mỗi khối 3 tín chỉ)</b>																
76.	Pháp y		1												1	
	Gây mê hồi sức		2	2	2	2	2								2	
77.	Một sức khoẻ		3							3					3	
	Y học gia đình		3					3		3	3				3	

## IX. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

Cách thiết kế phương pháp dạy học của chương trình đào tạo ngành Y khoa đi theo hướng phát triển năng lực, lấy “Người học là trung tâm”. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua phương pháp giảng dạy, hoạt động của giảng viên và sinh viên tương thích, phù hợp theo định hướng phát triển năng lực cho người học bằng sự kết hợp cả hoạt động học tập ở Học viện và tự học.

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based Learning, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, cầm tay chỉ việc, thực hành, .... Tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

- Thực tập tiền lâm sàng: Tại các phòng thực tập, thí nghiệm, trung tâm tiền lâm sàng của Học viện;
- Thực hành tại bệnh viện tại các cơ sở thực hành chính của Học viện;
- Thực tập tốt nghiệp tại các bệnh viện các tỉnh thời gian 8 tuần;
- Thực tập cộng đồng: Tại các bệnh viện huyện, trung tâm y tế huyện/ thành phố, các trạm y tế thuộc địa bàn tỉnh

**9.1. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học**

*Bảng 15. Ma trận giữa các học phần và phương pháp dạy học*

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
1.	Giáo dục quốc phòng- An ninh									
2.	Giáo dục thể chất 1	x	x			x	x			4
3.	Giáo dục thể chất 2						x			1
4.	Triết học Mác – Lê nin	x	x	x		x				4
5.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	x	x	x		x				4
6.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	x		x				4
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x		x				4
8.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt	x	x	x		x				4

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giảng bệnh	Tổng số PP/1 môn học
	Nam									
9.	Pháp luật đại cương	x				x				2
10.	Hóa học	x		x		x	x			4
11.	Lý sinh	x		x			x			3
12.	Sinh học và di truyền	x		x		x	x			4
13.	Xác suất thống kê trong y học	x	x	x		x				4
14.	Tin học	x		x		x	x			4
15.	Phương pháp nghiên cứu khoa học y học	x	x	x		x				4
16.	Tiếng Anh 1	x	x	x						3
17.	Tiếng Anh 2	x	x	x						3
18.	Tiếng Anh 3	x	x	x						3

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
19.	Module 1: Y cơ sở 1 (Giải phẫu, Mô phổi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	x					x			2
20.	Module 2: Y cơ sở 2 (Hoá sinh, Vi sinh)	x					x			2
21.	Module 3: Y cơ sở 3 (Miễn dịch, Ký sinh trùng)	x	x			x	x			4
22.	Module 4: Hệ huyết học-Bạch huyết	x	x				x			3
23.	Module 5: Hệ tim mạch	x	x	x			x			4
24.	Module 6: Hệ hô hấp	x	x				x			3
25.	Module 7: Tiền lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp)	x					x			2

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
26.	Module 11: Tiền lâm sàng 2 (Nội, Ngoại, Sản, Nhi)	x					x			2
27.	Module 15: Tiền lâm sàng 3 (Mắt, TMH, RHM)	x					x			2
28.	Module 8: Hệ tiêu hoá	x					x			2
29.	Module 9: Hệ tiết niệu	x	x	x			x			4
30.	Module 10: Hệ Da – Cơ – Xương	x					x			2
31.	Module 12: Hệ Nội tiết, chuyển hóa	x	x							2
32.	Module 13: Sinh sản	x	x				x			3
33.	Module 14: Hệ thần kinh	x	x				x			3

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
34.	Điều dưỡng	x					x			2
35.	Dược lý đại cương	x	x	x		x	x			5
36.	Dược lâm sàng	x	x	x		x	x			5
37.	Chẩn đoán hình ảnh	x					x			2
38.	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	x	x				x			3
39.	Truyền thông giáo dục sức khỏe	x		x						3
40.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số	x	x	x		x				4
41.	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	x	x	x		x				4
42.	Dịch tễ học	x	x							2

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cắm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
43.	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	x				x				2
44.	Tính chuyên nghiệp y khoa	x	x			x				3
45.	Nội cơ sở	x		x	x		x		x	5
46.	Ngoại cơ sở	x		x	x		x		x	5
47.	Nội bệnh lý 1	x		x	x				x	4
48.	Ngoại bệnh lý 1	x		x	x				x	4
49.	Sản phụ khoa 1	x		x					x	3
50.	Nhi khoa 1	x		x	x				x	4
51.	Phẫu thuật thực hành	x	x	x		x	x	x		6
52.	Hồi sức cấp cứu	x		x					x	3
53.	Da liễu	x		x					x	3
54.	Thần kinh	x		x	x		x		x	5

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
55.	Lao và bệnh phổi	x		x	x		x		x	5
56.	Truyền nhiễm	x		x	x		x		x	5
57.	Phục hồi chức năng	x				x	x	x	x	5
58.	Sức khỏe tâm thần	x		x					x	3
59.	Mắt	x	x	x	x				x	5
60.	Răng hàm mặt	x	x	x	x				x	5
61.	Tai mũi họng	x	x	x	x				x	5
62.	Lão	x	x	x	x		x		x	6
63.	Ung thư	x	x	x	x			x	x	6
64.	Module 16: Y học cổ truyền	x	x	x	x				x	5
65.	Nội bệnh lý 2	x		x	x				x	4
66.	Ngoại bệnh lý 2	x		x	x			x	x	5

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giường bệnh	Tổng số PP/1 môn học
67.	Sản phụ khoa 2	x		x	x				x	4
68.	Nhi khoa 2	x		x	x				x	4
69.	Nội khoa (TTNN)			x					x	2
70.	Nhi khoa (TTNN)			x					x	2
71.	Ngoại khoa (TTNN)			x					x	2
72.	Phụ sản (TTNN)			x					x	2
73.	Chuyên môn tổng hợp (Nội-Nhi/Ngoại-Sản)	x	x	x						3
74.	Khoá luận tốt nghiệp			x		x				2
75.	Thực tế cộng đồng	x	x	x			x			4
<b>Học phần/môn học tự chọn: Chọn 1 trong 2 khối kiến thức (mỗi khối 3 tín chỉ)</b>										
76.	Pháp y	x	x							2
	Gây mê hồi sức	x				x				2

TT	Tên học phần	Thuyết trình	Dạy học liên quan đến vấn đề	Thảo luận nhóm	CBL (Case Based Learning)	Động não	TH theo hướng dẫn	Cầm tay chỉ việc	Dạy học bên giảng bệnh	Tổng số PP/1 môn học
77.	Một sức khoẻ	x	x							2
	Y học gia đình	x	x							2

**Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLO**

Bảng 16. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp dạy – học

Các phương pháp dạy- học	Chuẩn đầu ra (PLO)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Dạy học dựa trên vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. CBL		x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x
5. Động não	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x	x	x
6. Thực hành theo hướng dẫn		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
7. Chăm tay chỉ việc		x	x	x	x	x	x			x				x	x
8. Dạy học bên giường bệnh		x	x	x	x	x	x	x		x				x	x

**9.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người Bác sĩ.

Hàng năm, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

**9.3. Đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**9.3.1. Đội ngũ cán bộ**

Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu đúng chuyên ngành: Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

### 9.3.2. Cơ sở vật chất

Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy.

Mỗi môn học có học phần thực hành phải có ít nhất 01 phòng thực hành được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

## X. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### 10.1. Đánh giá chung toàn khoá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần được sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) do sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D, tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

### 10.2. Đánh giá học phần

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Học viện thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học

cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của sinh viên do giảng viên đánh giá; mỗi học phần đều được đánh giá thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần. Hình thức thi và kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá tích cực phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ra như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp thực hành.

Bảng 17. Bảng ma trận giữa các học phần và phương pháp đánh giá

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
1.	Giáo dục quốc phòng- An ninh						x	1
2.	Giáo dục thể chất 1				x		x	2
3.	Giáo dục thể chất 2						x	1
4.	Triết học Mác – Lê nin	x	x					2
5.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	x	x					2
6.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x					2
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x					2
8.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	x					2
9.	Pháp luật đại cương		x					1
10.	Hóa học		x				x	2
11.	Lý sinh		x				x	2
12.	Sinh học và di truyền		x				x	2
13.	Xác suất thống kê trong y học	x	x					2
14.	Tin học						x	1
15.	Phương pháp nghiên cứu khoa học y				x			1

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
	học							
16.	Tiếng Anh 1		x					1
17.	Tiếng Anh 2		x					1
18.	Tiếng Anh 3		x					1
19.	Module 1: Y cơ sở 1 (Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh)	x	x			x	x	4
20.	Module 2: Y cơ sở 2 (Hoá sinh, Vi sinh)	x	x			x		3
21.	Module 3: Y cơ sở 3 (Miễn dịch, Ký sinh trùng)	x	x			x		3
22.	Module 4: Hệ huyết học- Bạch huyết	x	x				x	3
23.	Module 5: Hệ tim mạch		x				x	2
24.	Module 6: Hệ hô hấp		x				x	2
25.	Module 7: Tiền lâm sàng 1 (Kỹ năng giao tiếp)			x			x	2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
26.	Module 11: Tiền lâm sàng 2 (Nội, Ngoại, Sản, Nhi)		x				x	2
27.	Module 15: Tiền lâm sàng 3 (Mắt, TMH, RHM)						x	1
28.	Module 8: Hệ tiêu hoá	x	x				x	3
29.	Module 9: Hệ tiết niệu	x	x				x	3
30.	Module 10: Hệ Da – Cơ – Xương	x	x				x	3
31.	Module 12: Hệ Nội tiết; chuyển hóa	x	x					2
32.	Module 13: Sinh sản	x	x				x	3
33.	Module 14: Hệ thần kinh	x	x				x	3
34.	Điều dưỡng		x				x	2
35.	Dược lý đại cương		x	x			x	3
36.	Dược lâm sàng		x				x	2
37.	Chẩn đoán hình ảnh	x					x	2
38.	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	x	x				x	3
39.	Truyền thông giáo dục sức khỏe	x	x					2

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
40.	Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số		x					1
41.	Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp		x					1
42.	Dịch tễ học	x	x					2
43.	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế		x		x			2
44.	Tính chuyên nghiệp y khoa		x					1
45.	Nội cơ sở		x	x			X	3
46.	Ngoại cơ sở		x	x			X	3
47.	Nội bệnh lý 1		x	x			X	3
48.	Ngoại bệnh lý 1		x	x			x	3
49.	Sản phụ khoa 1		x	x			x	3
50.	Nhi khoa 1		x	x			x	3
51.	Phẫu thuật thực hành		x				x	2
52.	Hồi sức cấp cứu		x	x			x	3
53.	Da liễu		x	x			x	3

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
54.	Thần kinh		x	x			x	3
55.	Lao và bệnh phổi		x	x			x	3
56.	Truyền nhiễm		x	x			x	3
57.	Phục hồi chức năng		x	x			x	3
58.	Sức khỏe tâm thần		x	x			x	3
59.	Mắt		x	x			x	3
60.	Răng hàm mặt		x	x			x	3
61.	Tai mũi họng		x	x			x	3
62.	Lão	x		x			x	3
63.	Ung thư		x	x			x	3
64.	Module 16: Y học cổ truyền		x	x			x	3
65.	Nội bệnh lý 2		x	x			x	3
66.	Ngoại bệnh lý 2		x	x			x	3
67.	Sản phụ khoa 2		x	x			x	3
68.	Nhi khoa 2		x	x			x	3
69.	Nội khoa (TTNN)			x	x		x	3

STT	Tên học phần	Tự luận	MCQ	Vấn đáp	Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận	Chạy trạm (OSCE)	Thực hành (thi trên BN, thi trên công việc thật)	Tổng số phương pháp
70.	Nhi khoa (TTNN)			x	x		x	3
71.	Ngoại khoa (TTNN)			x	x		x	3
72.	Phụ sản (TTNN)			x	x		x	3
73.	Chuyên môn tổng hợp (Nội-Nhi/Ngoại-Sản)	x						1
74.	Khoá luận tốt nghiệp			x	x			2
75.	Thực tế cộng đồng			x	x			2
<b>Học phần/môn học tự chọn: Chọn 1 trong 2 khối kiến thức (mỗi khối 3 tín chỉ)</b>								
76.	Pháp y	x	x					2
	Gây mê hồi sức		x					1
77.	Một sức khoẻ		x					1
	Y học gia đình	x	x					2

Bảng 18. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLO

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)	Chuẩn đầu ra (PLO)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. Tự luận	x	x	x	x	x		x		x	x	x		x	x	
2. MCQ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Vấn đáp		x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x
4. Thuyết trình/Báo cáo tiểu luận		x					x	x	x		x			x	x
5. Chạy trạm (OSCE)		x	x				x								
6. Thực hành (thi trên BN/Thi trên công việc thật)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

### 10.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, các bộ môn đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong Phương pháp đào tạo theo hệ thống tín chỉ

### 10.4. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

#### 10.4.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học)

a) Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần phân (gọi tắt là điểm học phần) được căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm đánh giá công việc thực hiện tại nhà; và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Điểm tổng kết học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

b) Đối với mỗi học phần sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần. Đối

với học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ, có thể chỉ có 1 điểm đánh giá.

c) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Giám đốc phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

#### 10.4.2. Đối với các học phần thực hành:

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Sinh viên phải đi học đầy đủ 100% số buổi thực hành, và không còn bài nào bị dưới 4/10 điểm.

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

#### **GHI CHÚ:**

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng.

3. Cách xếp loại điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần như sau:

a) Loại đạt: A (8,5 - 10)

B<sup>+</sup> (8,0 - 8,4)

B (7,0 - 7,9)

C<sup>+</sup> (6,5 - 6,9)

C (5,5 - 6,4)

D<sup>+</sup> (5,0 - 5,4)

D (4,0 - 4,9)

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0)

#### 10.5. Đối với học phần Thực tập nghề nghiệp

- Thực tập nghề nghiệp gồm Lý thuyết/Khoá luận và Lâm sàng thực tập nghề nghiệp

Lâm sàng thực tập nghề nghiệp có thời gian 8 tuần tại các bệnh viện chuyên ngành YHCT, cuối đợt tiến hành thi kết thúc thực tập lâm sàng.

- Nếu sinh viên đủ điểm làm khoá luận, có nguyện vọng đăng ký làm khoá luận tốt

nghiệp thì được làm khoá luận. Các sinh viên còn lại học lý thuyết thực hành nghề nghiệp. Việc đánh giá mỗi khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Giám đốc Học viện ban hành. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Thông tư 08/TT-BGDĐT năm 2021 về Đào tạo Đại học phần theo hệ thống tín chỉ. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 2 tuần, kể từ ngày nộp khóa luận tốt nghiệp. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học và thi lý thuyết thực tập nghề nghiệp để thay thế.

## **XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Hoạt động dạy-học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường.
- Thực hành các module/học phần y học cơ sở: tại các phòng thực hành chức năng tại phòng thực hành các bộ môn.
- Thực tập tiền lâm sàng tại Trung tâm Tiền lâm sàng.
- Sinh viên đi thực hành Y khoa sớm từ năm 3 tại các bệnh viện trung ương, bệnh viện chuyên ngành, bệnh viện/trung tâm y tế tuyến quận/huyện trong thành phố Hà Nội.

## **XII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2023 cho sinh viên ngành Y khoa

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những mô đun tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những mô đun thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết các học phần, kinh phí cho thực hành, thực tập và tăng cường trang thiết bị, máy móc, thiết bị thí nghiệm cho mỗi mô đun và toàn bộ khóa học, trường các bộ phận liên quan sẽ phải kiểm tra, đánh giá và trình Giám đốc phê duyệt.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 2-3 năm, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Các Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

## **XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

## **XIV. PHỤ LỤC**

### **1. Các văn bản pháp lý**

- Chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27-2-2010 của Thủ tướng Chính phủ,
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22-4-2010;
- Quyết định 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Năm 2016
- Thông tư 17/2021/ TT - BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiếp tục đổi mới quản trị đại học về đào tạo dựa vào cách tiếp cận theo sản phẩm đầu ra;
- Thông tư 08/2021/TT-BGD-ĐT ngày 18/03/2021 về Quy chế đào tạo trình độ

đại học.

- Quyết định 481/2021 của Hội đồng trường về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện; điều kiện về vật chất, đội ngũ giảng viên và nhu cầu của học viên để xây dựng CDR;

- QĐ 1061/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 04 năm 2023 về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành y khoa trình độ đại học

- QĐ số 1062/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 04 năm 2023 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành y khoa trình độ đại học

## 2. Khung chương trình các trường đại học khác

- Trường đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
- Trường đại học Y Dược Hải Phòng
- Trường đại học Y Dược Thái Nguyên
- Université Paris Cité - Medical School
- UCL Medical school

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

**GIÁM ĐỐC**  
HOC VIEN  
Y - DƯỢC  
HOC CO TRUYEN  
VIET NAM  
*Nguyễn Quốc Huy*

*TS. Phạm Khải Hưng*

